

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VẠN LỢI

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**  
**NHÀ MÁY SẤY VÀ XAY XÁT**  
**LƯƠNG THỰC VẠN LỢI**

Châu Thành, tháng 8 năm 2023



DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VẠN LỢI

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**  
**NHÀ MÁY SẤY VÀ XAY XÁT**  
**LƯƠNG THỰC VẠN LỢI**

**CHỦ DỰ ÁN**



*Diệp Hùng*

Châu Thành, tháng 8 năm 2023

## MỤC LỤC

	Trang
MỤC LỤC .....	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT .....	4
DANH MỤC BẢNG .....	5
DANH MỤC HÌNH .....	6
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN.....	7
1.1. Tên chủ dự án .....	7
1.2. Tên dự án.....	7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án .....	8
<b>1.3.1. Công suất, thời gian hoạt động của dự án .....</b>	<b>8</b>
<b>1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án .....</b>	<b>8</b>
<b>1.3.3. Sản phẩm của dự án.....</b>	<b>12</b>
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án.....	12
<b>1.4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu của dự án .....</b>	<b>12</b>
<b>1.4.2. Nhu cầu điện năng và nguồn cung cấp.....</b>	<b>12</b>
<b>1.4.3. Nhu cầu nước và nguồn cung cấp.....</b>	<b>12</b>
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án .....	13
<b>1.5.1. Hạng mục công trình tại dự án .....</b>	<b>13</b>
<b>1.5.2. Danh mục trang thiết bị, tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện của dự án .....</b>	<b>14</b>
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	16
2.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường, phân vùng môi trường, các quy định tại địa phương .....	16
2.2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	16
CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	18
3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	18
<b>3.1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường.....</b>	<b>18</b>
<b>3.1.2. Dữ liệu về hiện trạng tài nguyên sinh vật .....</b>	<b>20</b>
3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án .....	20
3.3. Hiện trạng các thành phần môi trường nước, không khí nơi thực hiện dự án .....	20



CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	24
4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng .....	24
4.1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	24
4.1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại .....	25
4.1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	26
4.1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.....	26
4.1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	27
4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	27
4.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	27
4.2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	29
4.2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại .....	35
4.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường .....	37
4.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khi dự án đi vào vận hành.....	38
4.2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi .....	39
4.3. Tổ chức thực hiện các công trình biện pháp bảo vệ môi trường.....	39
4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo ....	40
CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....	41
5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải .....	41
5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	42
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN .....	44
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	44
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	44
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	45
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	46



6.2.1. Chương trình quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục và định kỳ..	46
6.2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác theo đề xuất của chủ dự án .....	46
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm .....	47
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN .....	48
PHỤ LỤC KÈM THEO .....	49



**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

BOD	Biochemical Oxygen Demand – nhu cầu oxy sinh học
CN	Công nghiệp
COD	Chemical Oxygen Demand – nhu cầu oxy hoá học
CTR	Chất thải rắn
CTRCNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTNH	Chất thải nguy hại
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
CO <sub>x</sub>	Oxit của cacbon
DO	Oxy hòa tan
HTXL	Hệ thống xử lý
HTXLKT	Hệ thống xử lý khí thải
NO <sub>x</sub>	Oxit của nitơ
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
SO <sub>x</sub>	Oxit của lưu huỳnh
UBND	Ủy ban nhân dân



**DANH MỤC BẢNG**

	<b>Trang</b>
Bảng 1.1. Hạng mục công trình tại dự án.....	13
Bảng 1.2. Danh mục máy móc, thiết bị lắp đặt tại dự án.....	14
Bảng 3.1. Kết quả quan trắc không khí môi trường tác động huyện Châu Thành....	18
Bảng 3.2. Kết quả quan trắc nước mặt môi trường tác động tại huyện Châu Thành .....	19
Bảng 3.3. Vị trí lấy mẫu quan trắc môi trường nơi thực hiện dự án.....	21
Bảng 3.4. Kết quả môi trường nước mặt tại rạch Xẻo Cụt .....	21
Bảng 3.5. Kết quả môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn tại khu vực phía trước chợ Song Lộc (QL 60).....	22
Bảng 3.6. Kết quả môi trường không khí bên trong và tiếng ồn tại khu vực dây chuyền sây và xay xát .....	22
Bảng 4.1. Kết quả chất lượng khí thải đầu ra tại ống khói lò sây lúa.....	34
Bảng 4.2. Tổng hợp các hạng mục, công trình BVMT đối với bụi, khí thải sau khi dự án đi vào hoạt động .....	35
Bảng 4.3. Thành phần và khối lượng CTCNTT phát sinh khi dự án đi vào hoạt động .....	36
Bảng 4.4. Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh tại dự án.....	37
Bảng 4.5. Danh mục trang thiết bị, dụng cụ PCCC khi dự án đi vào hoạt động .....	38
Bảng 4.6. Phương án và tổ chức thực hiện các biện pháp BVMT trong giai đoạn thi công xây dựng và khi dự án đi vào hoạt động.....	39
Bảng 5.1. Thống kê nguồn phát sinh bụi, khí thải và lưu lượng xả khí thải tại dự án .....	41
Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải đề nghị cấp phép đối với dòng khí thải từ lò đốt trấu .....	41
Bảng 5.3. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải đề nghị cấp phép đối với các dòng khí thải còn lại .....	42
Bảng 5.4. Vị trí, phương thức xả khí thải .....	42
Bảng 5.5. Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép .....	43
Bảng 5.6. Giá trị giới hạn của độ rung đề nghị cấp phép.....	43
Bảng 6.1. Hạng mục công trình xử lý chất thải vận hành thử nghiệm.....	44
Bảng 6.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải .....	44
Bảng 6.3. Kế hoạch quan trắc đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý bụi, khí thải sau xử lý.....	45
Bảng 6.4. Thông số ô nhiễm quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm .....	45



**DANH MỤC HÌNH**

	<b>Trang</b>
Hình 1.1. Vị trí khu vực thực hiện dự án trên ảnh vệ tinh .....	7
Hình 1.2. Quy trình sấy và xay xát lúa tại dự án.....	9
Hình 1.3. Quy trình lau bóng gạo tại dự án.....	11
Hình 4.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa khu vực nhà máy 1 .....	24
Hình 4.2. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa khu vực nhà máy 2.....	25
Hình 4.3. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại dự án.....	28
Hình 4.4. Sơ đồ mặt cắt bể tự hoại 03 ngăn .....	28
Hình 4.5. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi từ hoạt động nhập nguyên liệu và sàng tách tạp chất.....	31
Hình 4.4. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi từ dây chuyền xay xát và lau bóng tại nhà máy 1 và nhà máy 2 .....	32
Hình 4.5. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư của dây chuyền sấy lúa.....	33



## Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

### 1.1. Tên chủ dự án

- Tên chủ dự án: Doanh nghiệp tư nhân Vạn Lợi.
- Địa chỉ văn phòng: ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật: (Ông) Diệp Hùng, Chức vụ: Chủ doanh nghiệp.
- Điện thoại: 0743 897 114.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tư nhân mã số 2100180712 do Phòng Đăng ký Kinh doanh cấp đăng ký lần đầu ngày 20/9/1997, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 09/9/2011.

### 1.2. Tên dự án

- Tên dự án: **NHÀ MÁY SẤY VÀ XAY XÁT LƯƠNG THỰC VẠN LỢI**
- Địa điểm dự án: ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, dự án thực hiện trên tổng diện tích là 7.410 m<sup>2</sup> (thuộc các thửa đất 462, 463, 469, 929, tờ bản đồ số 3). Tới cận tiếp giáp như sau:
  - + Phía Đông: giáp với sông Ô Chát;
  - + Phía Nam: giáp với Cửa hàng kinh doanh VLXD, kế đến là chợ Song Lộc;
  - + Phía Tây: giáp với Cơ sở sản xuất gốm, sứ, VLXD;
  - + Phía Bắc: giáp rạch Xẻo Cụt, kế đến là cơ sở sản xuất gốm, sứ, VLXD;



Hình 1.1. Vị trí khu vực thực hiện dự án trên ảnh vệ tinh



- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

- + Căn cứ theo Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14<sup>1</sup>: căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 4 Mục IV của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP<sup>2</sup> ngày 06/4/2020, tổng vốn đầu tư 30,0 tỷ (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng*). Theo Luật Đầu tư công, dự án thuộc điểm d khoản 4 Điều 8 và khoản 3 Điều 10: **NHÓM C**.
- + Theo Luật BVMT số 72/2020/QH14<sup>3</sup>:
  - ✓ Căn cứ theo quy định tại số thứ tự thứ 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP<sup>4</sup> ngày 10/01/2022, dự án được xác định thuộc **NHÓM III**;
  - ✓ Căn cứ theo khoản 2 Điều 39 và khoản 4 Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường, dự án thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT trình Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành xem xét, thẩm định và cấp phép.

### 1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án

#### 1.3.1. Công suất, thời gian hoạt động của dự án

##### a. Công suất của dự án:

Công suất của dự án là công suất sản xuất của các dây chuyền sấy lúa, xay xát và lau bóng tại nhà máy 1 và nhà máy 2. Bao gồm:

- Công suất của dây chuyền sấy lúa khoảng 180 tấn/mẻ;
- Công suất của dây chuyền xay xát và lau bóng tại nhà máy 1 khoảng 5,0 tấn/giờ;
- Công suất của dây chuyền xay xát tại nhà máy 2 khoảng 10 tấn/giờ.

##### b. Thời gian hoạt động:

- Đối với hoạt động sấy lúa: dây chuyền sấy lúa hoạt động theo ca sản xuất, 01 ca/ngày, dao động từ 15-20 giờ/ca; theo thời vụ, một năm có 3 vụ chính, mỗi vụ kéo dài khoảng 02 tháng.

- + Vụ 1: bắt đầu từ giữa tháng 02 đến giữa tháng 4;
- + Vụ 2: bắt đầu từ giữa tháng 6 kéo dài đến giữa tháng 8;
- + Vụ 3: bắt đầu từ giữa tháng 11 kéo dài đến giữa tháng 01 năm sau.

- Đối với hoạt động của dây chuyền xay xát và lau bóng tại nhà máy 1 và dây chuyền xay xát tại nhà máy 2: theo ca sản xuất, 01 ca/ngày, dao động từ 4 – 8 giờ/ca/ngày; hoạt động thường xuyên, trung bình thời gian hoạt động khoảng 10 tháng/năm.

#### 1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án

Công nghệ sản xuất của dự án là công nghệ bán tự động của các dây chuyền sấy, xay xát và lau bóng. Các công nghệ sản xuất của dự án được thể hiện qua các quy trình sản xuất như sau:

<sup>1</sup> Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13/6/2019.

<sup>2</sup> Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

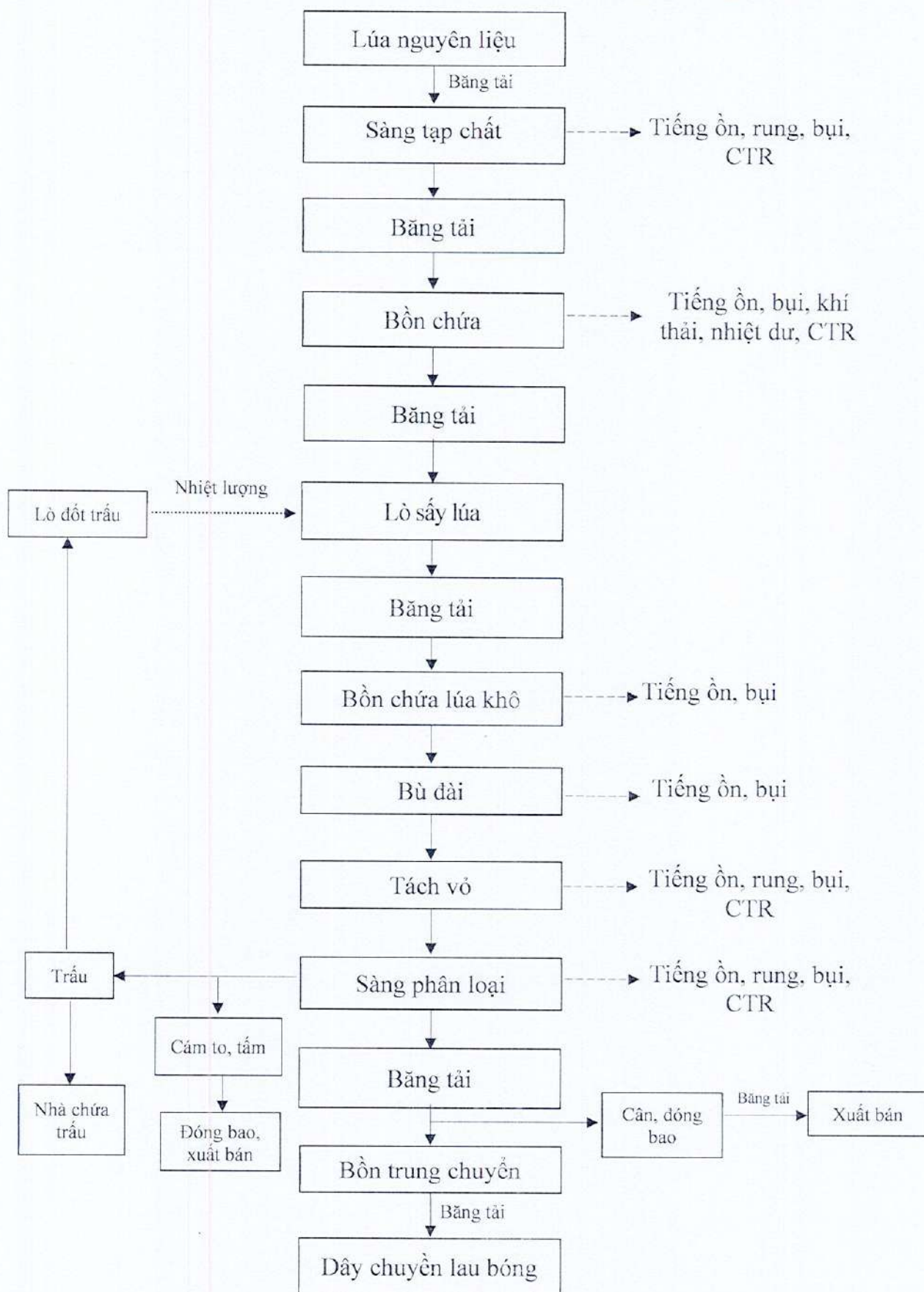
<sup>3</sup> Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

<sup>4</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT.



**a. Quy trình công nghệ sấy và xay xát lúa**

Quy trình sấy và xay xát lúa tại dự án được thể hiện qua hình sau:



Hình 1.2. Quy trình sấy và xay xát lúa tại dự án



**\* Thuyết minh quy trình:**

Lúa nguyên liệu được nhập từ ghe, tàu, xe của khách hàng, theo băng tải đưa vào thiết bị sàng tạp chất. Nhờ hoạt động rung và sàng của thiết bị, các loại tạp chất bị lẫn trong lúa như: đất, rom rạ, dây buộc,... được loại ra và thu gom để xử lý. Sau đó, lúa theo băng tải đưa vào bồn chứa lúa ướt (03 bồn chứa, dung tích chứa 30 tấn/bồn).

Lúa trong bồn chứa lúa ướt theo băng tải đưa vào các lò sấy tại 02 nhà máy (06 lò sấy, công suất 30 tấn/mẻ/lò), sấy cho đến khi lúa khô (tùy theo độ ẩm của lúa mà thời gian sấy khác nhau, dao động từ 08 – 11 giờ/mẻ). Lúa sau sấy (lúa khô) được bù đài mức đưa vào bồn chứa lưu trữ (13 bồn chứa, dung tích chứa 50 tấn/bồn). Nhiên liệu dùng để cấp nhiệt cho lò sấy là trấu sinh ra từ dây chuyền xay xát của dự án.

Lúa khô sau sấy, được đưa vào thiết bị tách vỏ, các thiết bị tách vỏ là các cối thung được lắp đặt song song, khi lúa vào trong cối, dưới sức ép của hệ thống trục vít trong thiết bị, lớp vỏ trấu bao bọc bên ngoài hạt lúa và một phần lớp vỏ cám liền kề lớp trấu được tách ra, hỗn hợp phát sinh thu được sau quá trình này là gạo lứt, tấm, trấu và cám to.

Kế đến, hỗn hợp gạo lứt, tấm, trấu và cám to được gàu tải đưa qua công đoạn phân loại bởi thiết bị rây và găng. Tại đây, trấu, tấm và cám to được tách ra khỏi hỗn hợp và theo từng hệ thống thu gom riêng biệt như sau:

- Trấu được hệ thống băng tải đưa về khu vực chứa trấu và đem bán theo nhu cầu của khách hàng, một phần được băng tải đưa vào bồn đốt sấy lúa;
- Tấm, cám to được cân định lượng, đóng bao và xuất bán theo nhu cầu của khách hàng.
- Gạo lứt:
  - + Tại nhà máy 1: gạo lứt sẽ theo băng tải đi vào bồn chứa trung chuyển, gạo lứt từ bồn chứa trung chuyển theo băng tải đưa về dây chuyền lau bóng gạo;
  - + Tại nhà máy 2: gạo lứt sẽ được cân, đóng bao và theo băng chuyền đưa xuống tàu, ghe để xuất bán cho khách hàng.

**b. Quy trình công nghệ lau bóng gạo**

Quy trình lau bóng của dự án được thể hiện qua Hình 1.3.

**\* Thuyết minh quy trình:**

Gạo lứt nguyên liệu được lưu chứa trong bồn chứa trung chuyển của dây chuyền xay xát sẽ qua sàng để loại các tạp chất trước khi đưa vào máy xát trắng để tách vỏ lụa bọc bên ngoài hạt gạo lứt.

Nguyên liệu sau khi qua máy xát trắng sẽ theo gàu tải đi vào máy lau bóng, tại đây hạt gạo được tiếp xúc với nước dưới dạng phun sương để tăng thêm độ ẩm, nhằm làm gạo được bóng hơn và hạn chế bị bể, gãy trong quá trình lau bóng.

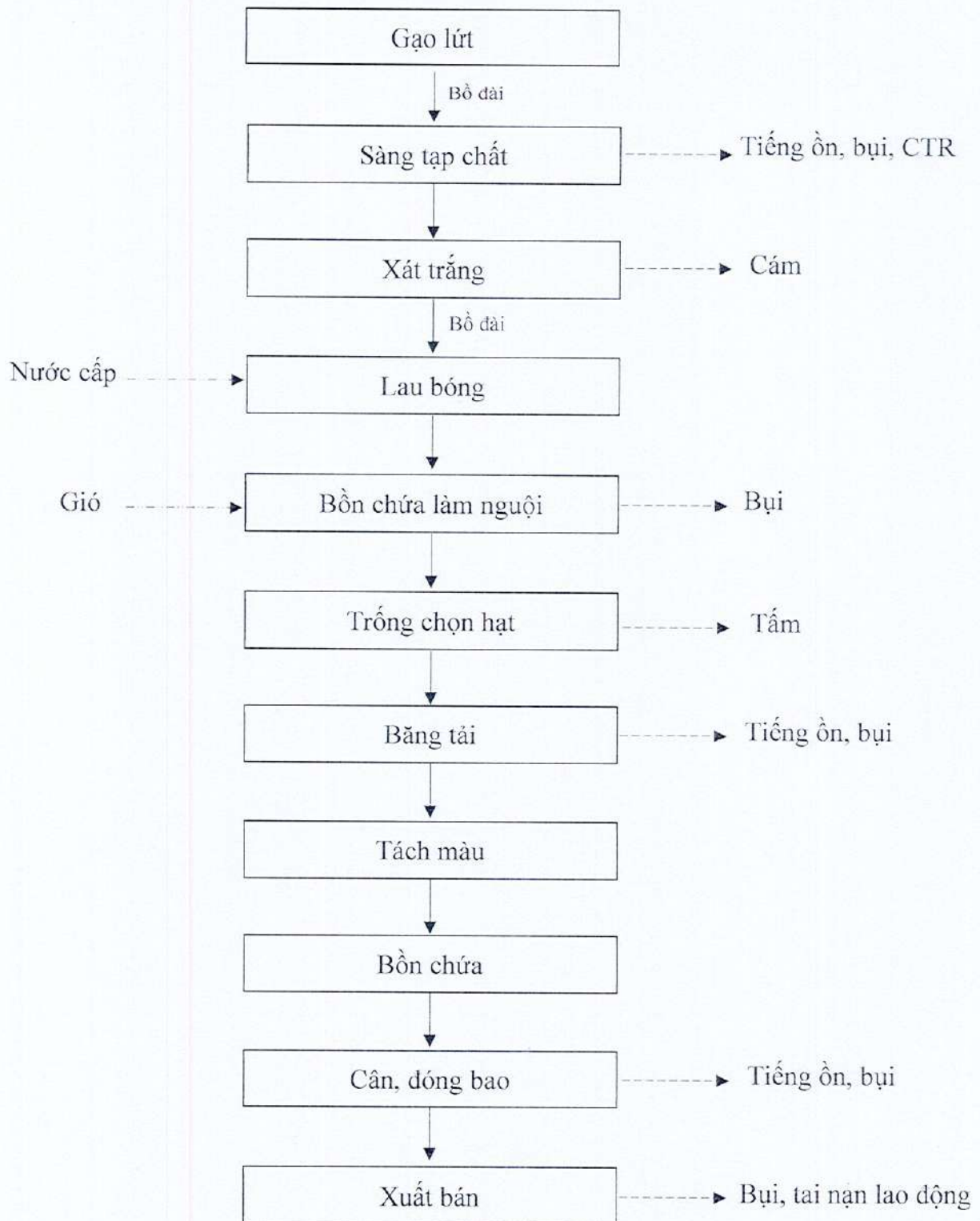
Gạo sau khi lau bóng sẽ được đưa vào bồn chứa và sấy gió (làm nguội tự nhiên). Tùy theo yêu cầu của khách hàng hoặc theo hợp đồng đã ký kết, gạo sau khi được



làm nguội sẽ được cho qua trống chọn hạt để loại bỏ những hạt gạo bẻ, gãy không đạt tiêu chuẩn và tách màu. Hạt gạo đạt tiêu chuẩn sẽ được vận chuyển đến bồn chứa gạo thành phẩm bằng băng tải (11 bồn chứa, dung tích chứa 30 tấn/bồn). Gạo từ bồn chứa sẽ được cân định lượng, đóng bao và giao cho khách hàng.

Các loại phụ phẩm như tấm, cám phát sinh được phân loại riêng đưa về bồn chứa và cân, đóng bao xuất bán theo nhu cầu của khách hàng.

Quy trình lau bóng của dự án như sau:



Hình 1.3. Quy trình lau bóng gạo tại dự án



### 1.3.3. Sản phẩm của dự án

Sản phẩm của dự án khi đi vào vận hành như sau:

- Lúa khô sau sấy khoảng 150 tấn/ngày;
- Gạo trắng thành phẩm (từ dây chuyền xay xát và lau bóng) tại nhà máy 1 khoảng 40 tấn/ngày;
- Gạo lứt từ dây chuyền xay xát tại nhà máy 2 khoảng 40 tấn/ngày;
- Phụ phẩm (tấm, cám, trấu) khoảng 36,5 tấn/ngày.

### 1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án

#### 1.4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu của dự án

Nhu cầu về nguyên, nhiên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của dự án như sau:

- Nhu cầu sử dụng lúa nguyên liệu khoảng 180 tấn/ngày. Sản phẩm lúa sau sấy sẽ làm nguyên liệu đầu vào cho dây chuyền xay xát. Sản phẩm của dây chuyền xay xát sẽ làm nguyên liệu cho dây chuyền lau bóng.
- Vỏ trấu (phế phẩm từ dây chuyền xay xát) được sử dụng làm nhiên liệu cho lò sấy. Nhu cầu sử dụng trấu vận hành lò sấy dao động khoảng 1,0 – 1,2 tấn/lò/mẻ, trung bình khoảng 6,0 – 7,2 tấn/ngày.

#### 1.4.2. Nhu cầu điện năng và nguồn cung cấp

- Nguồn cung cấp: được lấy từ mạng lưới điện quốc gia.
- Nhu cầu sử dụng điện năng của dự án trung bình khoảng 220.000 kWh. Phục vụ cho các mục đích vận hành máy móc tại các dây chuyền sản xuất và các thiết bị chiếu sáng. Dự án có trang bị trạm biến áp với công suất 2.000 kVA từ mạng lưới điện quốc gia kết nối vào hệ thống điện nội bộ của dự án.

#### 1.4.3. Nhu cầu nước và nguồn cung cấp

- Nguồn cung cấp nước: được lấy từ trạm cấp nước tại địa phương.
- Nhu cầu sử dụng nước: phục vụ cho hoạt động sản xuất, hoạt động sinh hoạt của công nhân và công tác PCCC. Cụ thể:
  - + Nước cấp sinh hoạt: tổng số công nhân làm việc tại nhà máy là 45 người, không tổ chức nấu ăn, giặt giũ. Theo QCVN 01:2021/BXD<sup>5</sup>, định mức mức cấp nước tối thiểu là 80 lít/người/ngày.đêm. Ước tính lượng nước cấp cho mục đích sinh hoạt của công nhân khoảng 2,4 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (lấy <sup>2</sup>/<sub>3</sub> định mức cấp nước tối thiểu).
  - + Nước cấp sản xuất: phục vụ cho công đoạn lau bóng gạo, với nhu cầu sử dụng khoảng 2,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
  - + Nước cấp cho công tác PCCC: nguồn cung cấp nước phục vụ cho công tác chữa cháy sẽ được lấy từ nguồn nước mặt tại rạch Xèo Cụt và sông Ô Chát.

→ Như vậy, tổng nhu cầu sử dụng nước cho các hoạt động của dự án ước tính khoảng 5,0 m<sup>3</sup>/ngày (không bao gồm nước cấp cho hoạt động PCCC).

<sup>5</sup> QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.



**1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án****1.5.1. Hạng mục công trình tại dự án**

Các hạng mục công trình tại dự án được trình bày qua bảng sau:

*Bảng 1.1. Hạng mục công trình tại dự án*

Stt	Hạng mục	Quy mô (m <sup>2</sup> )	Tỉ lệ (%)	Thời gian hoàn thành
<b>I</b>	<b>Hạng mục công trình chính</b>	<b>6.126,0</b>	<b>85,80</b>	
<b>1</b>	<b>Nhà máy 1</b>	<b>4.806,0</b>	<b>67,31</b>	Hoàn thành
1.1	Khu vực chứa lúa ướt	192,0	2,69	Hoàn thành
1.2	Khu vực chứa lúa khô	1.914,0	26,81	Hoàn thành
1.3	Khu vực sấy	200,0	2,80	Hoàn thành
1.4	Khu vực xay xát và lau bóng	1.200,0	16,81	Hoàn thành
1.5	Khu vực bồn chứa gạo thành phẩm và khu vực chứa bao gạo thành phẩm	1.000,0	14,01	Hoàn thành
1.6	Khu vực chứa tấm, cám	300,0	4,20	Hoàn thành
<b>2</b>	<b>Nhà máy 2</b>	<b>1.320,0</b>	<b>18,49</b>	
2.1	Khu vực sấy	100,0	1,40	Tháng 9/2023
2.2	Khu vực xay xát	900,0	12,61	
2.3	Khu vực chứa tấm, cám	20,0	0,28	
2.4	Khu vực chứa trấu	300,0	4,20	Hoàn thành
<b>II</b>	<b>Hạng mục công trình phụ trợ</b>	<b>1.008,0</b>	<b>14,12</b>	
1	Trạm điện 2.000 kVA	16,0	0,22	Hoàn thành
2	Khu vực để xe	20,0	0,28	Hoàn thành
3	Đường đi nội bộ và đất trống	972,0	13,61	Hoàn thành
4	Hệ thống thông tin liên lạc, camera giám sát	-	-	Hoàn thành
5	Hệ thống PCCC	-	-	Hoàn thành
6	Hệ thống cấp điện, nước	-	-	Hoàn thành
7	Bờ kè	-	-	Hoàn thành
<b>III</b>	<b>Hạng mục công trình bảo vệ môi trường</b>	<b>6,0</b>	<b>0,08</b>	
1	Nhà vệ sinh 1	3,0	0,04	Hoàn thành



Stt	Hạng mục	Quy mô (m <sup>2</sup> )	Tỉ lệ (%)	Thời gian hoàn thành
2	Nhà vệ sinh 2	2,0	0,03	Hoàn thành
3	Khu vực xử lý khí thải, nhiệt dư lò sấy	-	-	Tháng 9/2023
4	Khu vực xử lý bụi dây chuyền xay xát lau bóng tại nhà máy 1 và 2	-	-	
5	Khu vực chứa CTNH	1,0	0,01	
6	Khu vực chứa CTRCNTT	-	-	
7	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	-	-	Hoàn thành
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.140,0</b>	<b>100,00</b>	

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)

### 1.5.2. Danh mục trang thiết bị, tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện của dự án

#### a. Danh mục trang thiết bị của dự án

Danh mục máy móc, thiết bị hiện hữu của dự án và danh mục trang thiết bị sau khi mở rộng được trình bày như sau:

Bảng 1.2. Danh mục máy móc, thiết bị lắp đặt tại dự án

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Hiện trạng lắp đặt (%)
<b>A</b>	<b>Nhà máy 1</b>				
1	Hộc nạp liệu	Cái	01	Việt Nam	50%
2	Sàng tách tạp chất	Cái	01	Việt Nam	50%
3	Hệ thống lò sấy lúa	Hệ thống	04	Việt Nam	50%
4	Bồn chứa lúa ướt (30 tấn/bồn)	Cái	03	Việt Nam	50%
5	Bồn chứa lúa khô (50 tấn/bồn)	Cái	13	Việt Nam	50%
6	Băng tải	Hệ thống	07	Việt Nam	50%
7	Dây chuyền xay xát và lau bóng	Hệ thống	03	Việt Nam	50%
8	Bồn chứa gạo thành phẩm	Cái	11	Việt Nam	50%
9	Tank chứa tấm ½	Cái	01	Việt Nam	50%
10	Tank chứa gạo	Cái	01	Việt Nam	50%



Stt	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Hiện trạng lắp đặt (%)
11	Tank chứa tấm 3/4	Cái	01	Việt Nam	50%
12	Quạt cyclone thu cám	Cái	04	Việt Nam	50%
13	Quạt thổi	Cái	02	Việt Nam	50%
14	Cân nguyên liệu	Cái	01	Việt Nam	50%
15	Cân thành phẩm	Cái	03	Việt Nam	50%
16	Máy may bao + khung đỡ	Bộ	03	Đài Loan	50%
<b>B</b>	<b>Nhà máy 2</b>				
1	Dây chuyền sấy lúa	Hệ thống	02	Việt Nam	60%
2	Dây chuyền xay xát	Hệ thống	01	Việt Nam	60%
3	Quạt cyclone thu cám	Cái	04	Việt Nam	60%
4	Băng tải	Cái	04	Việt Nam	60%
5	Cân xuất gạo	Cái	03	Việt Nam	60%

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)

#### **b. Vốn đầu tư, tiến độ hoàn thành giai đoạn thi công xây dựng**

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 30.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng), 100% vốn của chủ doanh nghiệp. Trong đó:
  - + Chi phí đầu tư thiết bị, dây chuyền sản xuất: 29.000.000.000 đồng.
  - + Chi phí sửa chữa, lắp đặt hệ thống: 1.000.000.000 đồng.
- Tiến độ hoàn thành giai đoạn thi công xây dựng: đến tháng 09/2023, dự án hoàn thành các hạng mục công trình và đi vào vận hành chính thức.



## Chương II

### SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### 2.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường, phân vùng môi trường, các quy định tại địa phương

- Dự án hoạt động góp phần thúc đẩy phát triển ngành kinh tế ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị sản xuất trong công nghiệp chế biến lương thực của tỉnh Trà Vinh, hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch, định hướng tại địa phương như sau:

+ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

+ Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025;

+ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh năm 2023.

+ Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh về thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về quy hoạch sử dụng đất: tổng diện tích đất thực hiện dự án là 7.410 m<sup>2</sup> (thuộc các thửa đất 462, 463, 469, 929, tờ bản đồ số 3). Trong đó, diện tích đất phù hợp với mục đích sử dụng là 1.090 m<sup>2</sup> (đất nhà máy có 930 m<sup>2</sup>, đất ở tại nông thôn có 160 m<sup>2</sup>), còn lại 6.320 m<sup>2</sup> là đất trồng cây lâu. Chủ dự án cam kết sẽ chuyển đổi phần đất có mục đích sử dụng chưa phù hợp sang đất có mục đích sử dụng phù hợp với loại hình hoạt động hiện tại của dự án (*Tờ cam kết đính kèm phần phụ lục*).

#### 2.2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dựa theo loại hình hoạt động của dự án, các nguồn tác động phát sinh trong quá trình vận hành chủ yếu là tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt và chất thải rắn. Cụ thể:

- Tiếng ồn, bụi: phát sinh từ các phương tiện ra vào và từ hoạt động sản xuất của dự án. Xung quanh khu vực sản xuất của nhà máy đang hoạt động được che chắn để hạn chế bụi, tiếng ồn ảnh hưởng của đến khu vực sinh sống xung quanh; lắp đặt các túi vải để thu gom và xử lý bụi ở các công đoạn sản xuất làm giảm sự phát tán bụi ra môi trường bên ngoài.

- Bụi, khí thải từ hoạt động sấy lúa: chủ dự án xây dựng hệ thống xử lý khí thải lò sấy đồng bộ với dây chuyền sấy lúa. Khí thải sau quá trình xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số K<sub>p</sub> = 1,0, K<sub>v</sub> = 1,0.

- Nước thải sinh hoạt: khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án khi hoạt động khoảng 1,92 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Nước thải sinh hoạt được chủ dự án xử lý bằng hầm tự hoại, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn, cặn lắng định kỳ.



- Chất thải rắn: toàn bộ khối lượng chất thải rắn phát sinh bao gồm CTRSH, CTCNTT sẽ được thu gom và xử lý, không để phát tán ra môi trường xung quanh. Tại khu vực đang hoạt động đã bố trí các thùng chứa CTRSH để thu gom hàng ngày, hợp đồng với Hợp tác xã Xây dựng Môi trường Trà Vinh để thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ 03 lần/tuần.

- Chất thải nguy hại: được thu gom vào thùng chứa và được để trong khu vực chứa riêng biệt. Tại khu vực nhà máy đang hoạt động có bố trí khu vực chứa CTNH và các thùng chứa riêng biệt, hợp đồng với Công ty CP Môi trường Xanh VN thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.



### CHƯƠNG III HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NỘI THỰC HIỆN DỰ ÁN

#### 3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

##### 3.1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường

Trong quá trình hoạt động, dự án có khả năng tác động trực tiếp đến môi trường không khí, môi trường nước mặt tại khu vực thực hiện dự án. Để đánh giá hiện trạng môi trường không khí, môi trường nước mặt, báo cáo đã tổng hợp dữ liệu quan trắc môi trường từ Báo cáo Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021.

- Tham khảo kết quả quan trắc không khí môi trường tác động huyện Châu Thành từ Báo cáo Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021: vị trí lấy mẫu – Giao lộ đường 2/9 và 30/4 (K<sub>10</sub>), tại huyện Châu Thành, cách vị trí dự án khoảng 9,31 km, kết quả không khí môi trường tác động được trình bày theo bảng sau:

*Bảng 3.1. Kết quả quan trắc không khí môi trường tác động huyện Châu Thành*

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 05:2013/BTNMT <sup>6</sup>
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	Tiếng ồn	dB(A)	67,7	72,5	64,2	73,5	70*
2	Bụi lơ lửng	µg/m <sup>3</sup>	159	235	227	243	300
3	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	KPH	33	KPH	KPH	350
4	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	19	10	21	17	200
5	CO	µg/m <sup>3</sup>	7.500	8.362	4.155	7.471	30.000
6	O <sub>3</sub>	µg/m <sup>3</sup>	24	9	69	9	200
7	Pb	µg/m <sup>3</sup>	KPH	0,098	KPH	KPH	-
8	HC	µg/m <sup>3</sup>	144,6	258,3	KPH	KPH	5.000**

(Nguồn: Báo cáo Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021)

**Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện;
- Giá trị (\*) áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- Giá trị (\*\*) áp dụng theo QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

<sup>6</sup> QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.



**\* Nhận xét:**

Qua kết quả từ bảng trên cho thấy, không khí môi trường tác động trên địa bàn huyện Châu Thành có chất lượng khá tốt, 07/08 thông số quan trắc nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Riêng tiếng ồn vượt giới hạn từ 1,04 - 1,05 lần vào đợt 2, 4.

- Tham khảo kết quả quan trắc môi trường nước mặt tại sông Ô Chát từ Báo cáo Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021: vị trí lấy mẫu quan trắc nước mặt (môi trường tác động) tại Cầu Ô Chát - sông Ô Chát, xã Song Lộc (ký hiệu điểm quan trắc NM<sub>23</sub>). Kết quả quan trắc như sau:

*Bảng 3.2. Kết quả quan trắc nước mặt môi trường tác động tại huyện Châu Thành*

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08-MT:2015/BTNMT <sup>7</sup>
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	pH	-	7,55	7,43	6,99	6,79	5,5-9
2	DO	mg/L	4,51	<b>3,12</b>	<b>2,47</b>	<b>3,78</b>	≥4
3	TSS	mg/L	11,9	13,5	49,2	14,7	50
4	COD	mg/L	<b>47</b>	19	26	26	30
5	BOD <sub>5</sub>	mg/L	3,1	3,1	5,3	4,2	15
6	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	mg/L	0,04	0,10	<b>5,23</b>	<b>2,69</b>	0,9
7	Cl <sup>-</sup>	mg/L	235,8	<b>419,9</b>	134,6	135,6	350
8	NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> -N	mg/L	0,009	0,014	<b>0,127</b>	0,023	0,05
9	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	mg/L	0,112	0,362	0,300	0,077	10
10	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	mg/L	0,233	0,045	0,254	0,240	0,3
11	Dầu mỡ	mg/L	KPH	0,4	0,5	0,4	1,0
12	Coliform	MPN/ 100mL	930	930	<b>93.000</b>	<b>430.000</b>	7.500

(Nguồn: Báo cáo Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021)

**Ghi chú:** KPH - Không phát hiện.

**\* Nhận xét:**

Qua bảng kết quả từ bảng trên cho thấy, có 06/12 thông số vượt giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B<sub>1</sub>), bao gồm: DO, COD, Amoni, Clorua, Nitrit và Coliform. Cụ thể:

<sup>7</sup> QCVN 08-MT:2015/ BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B<sub>1</sub>.



- Các thông số vượt quy chuẩn 01/04 đợt quan trắc gồm: Clorua vượt 1,20 lần vào đợt 2; COD vượt 1,57 lần vào đợt 1 và Nitrit vượt 2,54 lần vào đợt 3;
- Các thông số vượt quy chuẩn tại 02/04 đợt quan trắc gồm: Amoni vượt 5,81 lần vào đợt 3 và vượt 2,99 lần vào đợt 4; Coliform vượt 12,4 lần và vượt 57,33 lần vào 02 đợt cuối năm;
- DO không đạt giá trị tối thiểu cho phép theo quy chuẩn tại 03/04 đợt quan trắc, ngoại trừ đợt 1 năm 2021.

### 3.1.2. Dữ liệu về hiện trạng tài nguyên sinh vật

Dự án được thực hiện tại ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Theo khảo sát thực tế, khu vực dự án và khu vực xung quanh dự án không có các vùng nhạy cảm như: khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; khu dự trữ sinh quyển, rừng ngập mặn, đất ngập nước nội địa; không tồn tại các loài động vật, thực vật quý hiếm cần được ưu tiên bảo vệ và xung quanh khu vực dự án không có các đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường. Hiện trạng tài nguyên sinh vật tại khu vực như sau:

- Khu vực bên trong dự án: đã xây dựng xong các hạng mục công trình nên không tồn tại các loài thực vật bên trong khu vực thực hiện dự án; hệ động vật nghèo nàn chủ yếu là các loài côn trùng như: nhện, thằn lằn,...

- Khu vực bên ngoài dự án: xung quanh dự án tiếp giáp với các đối tượng như: phía Nam của nhà máy 2 tiếp giáp với rạch Xèo Cụt, phía nam của nhà máy 1 tiếp giáp với Cửa hàng kinh doanh VLXD, kế đến là chợ Song Lộc; phía Bắc và phía Tây giáp với Cơ sở sản xuất gôm, sứ, VLXD; phía Đông giáp sông Ô Chát. Hệ động, thực vật khu vực bên ngoài dự án như sau:

- + Hệ thực vật: hệ thực vật dưới nước chủ yếu là bèo tây (lục bình); hệ thực vật trên cạn chủ yếu là các loài cỏ dại, cây bụi thấp.
- + Hệ động vật: hệ động vật dưới nước bao gồm các loài như: cá, tép nước ngọt,... hệ động vật trên cạn chủ yếu là các loài bò sát, côn trùng như: rắn, rít, dế,....;

### 3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Trong quá trình hoạt động dự án không có xả thải ra môi trường tiếp nhận, nước thải sinh hoạt phát sinh được lưu chứa trong hầm tự hoại, tự thấm vào môi trường đất tại khu vực, chủ dự án định kỳ thuê đơn vị hút bùn, cặn trong hầm.

### 3.3. Hiện trạng các thành phần môi trường nước, không khí nơi thực hiện dự án

Để có cơ sở cho việc đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường tại khu vực thực hiện dự án, chủ dự án đã kết hợp với đơn vị kiểm nghiệm là Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng (Vimcerts 064) tiến hành đo đạc, lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường nền không khí xung quanh, tiếng ồn; môi trường nước mặt; môi trường không khí bên trong khu vực nhà máy. Mẫu môi trường được thực hiện trong 01 đợt vào ngày 23/02/2023. Vị trí thu mẫu được thể hiện qua bảng sau:



Bảng 3.3. Vị trí lấy mẫu quan trắc môi trường nơi thực hiện dự án

Stt	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	Hệ tọa độ VN-2000	
				X(m)	Y(m)
1	KK <sub>1</sub>	Khu vực sấy	Mẫu không khí và tiếng ồn bên trong khu vực nhà máy	1094685	583895
2	KK <sub>2</sub>	Khu vực xay xát	Mẫu không khí và tiếng ồn bên trong khu vực nhà máy	1094697	583932
3	KK <sub>3</sub>	Khu vực phía trước chợ Song Lộc (QL 60)	Mẫu không khí, tiếng ồn và vi khí hậu	1094568	583904
4	NM	Rạch Xẻo Cụt	Mẫu môi trường nước mặt	1094698	583871

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)

- Kết quả chất lượng môi trường nền tại khu vực thực hiện dự án được trình bày qua Bảng 3.4 và Bảng 3.5, như sau:

Bảng 3.4. Kết quả môi trường nước mặt tại rạch Xẻo Cụt

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT <sup>8</sup> , cột B <sub>1</sub>
1	pH	-	6,05	5,5-9
2	TSS	mg/L	28	50
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	13	15
4	COD	mg/L	24	30
5	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	KPH	0,9
6	N-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/L	0,095	10
7	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/L	<0,06	0,3
8	Tổng Coliform	MPN/100mL	1.100	7.500

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)

**\* Nhận xét:**

Qua kết quả từ bảng trên nhận thấy, các thông số quan trắc nước mặt tại rạch Xẻo Cụt đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B<sub>1</sub>.

<sup>8</sup> QCVN 08-MT:2015/BTNMT -Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B<sub>1</sub>.



Bảng 3.5. Kết quả môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn tại khu vực phía trước chợ Song Lộc (QL 60)

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2009/BTNMT <sup>9</sup>
1	Tốc độ gió	m/s	0,3 - 0,8	-
2	Hướng gió	-	Đông Nam	-
3	Tiếng ồn	dBA	64,7	70*
4	Bụi lơ lửng	µg/m <sup>3</sup>	195	300
5	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	61	350
6	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	54	200
7	CO	µg/m <sup>3</sup>	<10	30.000

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)

Ghi chú: Giới hạn cho phép (\*) theo QCVN 26:2010/BTNMT<sup>10</sup>.

**\* Nhận xét:**

Qua kết quả từ bảng trên nhận thấy, các thông số quan trắc tại khu vực phía trước chợ Song Lộc (QL 60) có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 05:2009/BTNMT.

- Kết quả chất lượng môi trường không khí bên trong và tiếng ồn tại nhà máy đang hoạt động được trình theo bảng sau:

Bảng 3.6. Kết quả môi trường không khí bên trong và tiếng ồn tại khu vực dây chuyền sảy và xay xát

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT <sup>11</sup>
			KK <sub>1</sub>	KK <sub>2</sub>	
1	Tiếng ồn	dBA	76,2	75,5	85*
2	Bụi toàn phần	mg/m <sup>3</sup>	1,56	1,14	8.0 <sup>**</sup>
3	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	0,087	0,082	5,0
4	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	0,071	0,074	5,0
5	CO	mg/m <sup>3</sup>	<10	<10	20

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)

Ghi chú:

- Giới hạn cho phép (\*) theo QCVN 24:2016/BYT<sup>12</sup>.
- Giới hạn cho phép (\*\*) theo QCVN 02:2019/BYT<sup>13</sup>.

<sup>9</sup> QCVN 05:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

<sup>10</sup> QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

<sup>11</sup> QCVN 03:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

<sup>12</sup> QCVN 24:2016/BYT<sup>12</sup>-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

<sup>13</sup> QCVN 02:2019/BYT<sup>13</sup>-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.



**\* Nhận xét:**

Qua kết quả từ bảng trên nhận thấy, kết quả quan trắc các thông số quan trắc ở khu vực dây chuyền sấy và xay xát lúa tại nhà máy 1 có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT.

→ Nhìn chung, qua kết quả từ Bảng 3.4 và Bảng 3.5 cho thấy, chất lượng môi trường nền nước mặt và môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn khu vực dự án còn khá tốt, các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B<sub>1</sub>; QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 05:2009/BTNMT. Qua kết quả từ Bảng 3.6 cho thấy, kết quả đo đạc các thông số quan trắc môi trường không khí bên trong, tiếng ồn tại khu vực nhà máy đang hoạt động đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT.



## CHƯƠNG IV

### ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

#### 4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Hiện tại, dự án đã hoàn thành các hạng mục công trình xây dựng, đang tiến hành sửa chữa lại các dây chuyền sản xuất tại nhà máy 1, tiến hành lắp đặt đường dây, đường ống và hệ thống xử lý bụi tại nhà máy 2. Các công trình, biện pháp BVMT trong giai đoạn này được thực hiện như sau:

##### 4.1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

###### a. Nước mưa chảy tràn

Dự án đã hoàn thành xong các công trình thu gom và thoát nước đối với nước mưa chảy tràn. Ước tính khối lượng nước mưa chảy tràn qua toàn bộ khu vực dự án như sau:

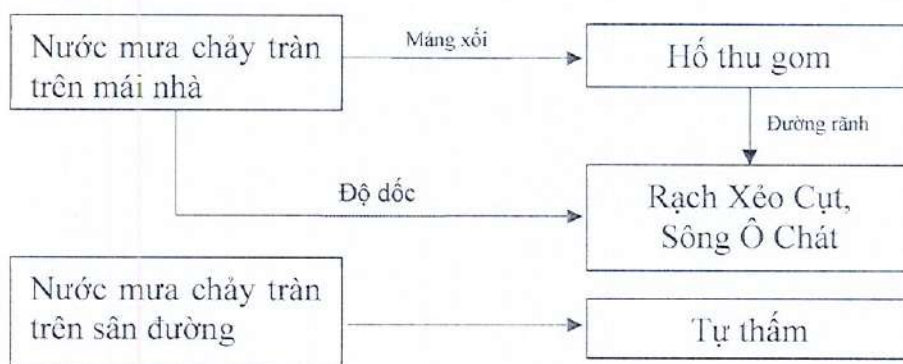
$$Q_{mưa} = C \times I \times A / 1.000$$

Trong đó:

- $Q_{mưa}$ : Lưu lượng nước mưa chảy tràn cực đại ( $m^3$ /tháng);
- C: Hệ số chảy tràn ( $C = 0,6515$ );
- A: Diện tích thoát nước ( $A = 7.410 m^2$ );
- I: Lượng mưa cao nhất trong năm (chọn lượng mưa cao nhất từ giai đoạn năm 2017-2021, theo tháng 8/2017,  $I = 379 mm$ /tháng);

→  $Q_{mưa} = 0,6515 \times 379 \times 7.410 / 1.000 = 1.830 m^3$ /tháng (khoảng  $61 m^3$ /ngày).

⊕ Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa chảy tràn tại khu vực nhà máy 1 được thể hiện qua hình sau:



Hình 4.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa khu vực nhà máy 1

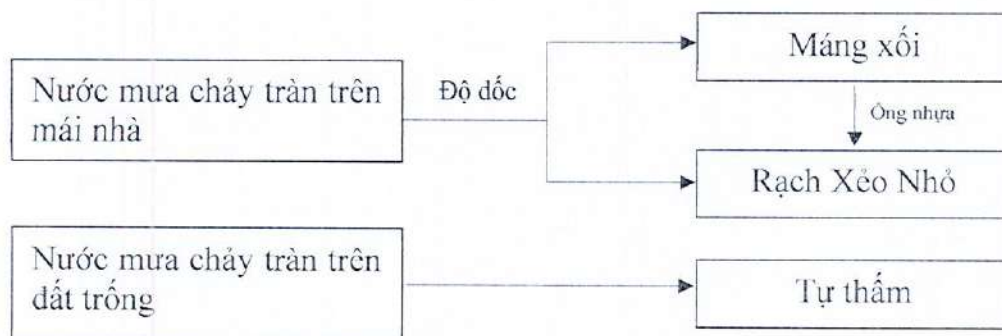
##### \* Thuyết minh quy trình:

- Nước mưa chảy tràn trên mái nhà một phần theo độ dốc chảy xuống rạch Xẻo Nhỏ, một phần được thu gom bằng máng xối. Máng xối được bố trí dọc mái nhà, chất liệu tole kẽm, kích thước lòng máng (Rộng x Sâu) là (0,35 – 0,25) m. Nước mưa từ máng xối theo đường ống nhựa PVC Ø110 chảy xuống hố thu gom nước mưa, đặt



âm dưới đất, có nắp đậy, có kích thước (Dài x Rộng x Sâu) là (0,4 x 0,4 x 0,8) m. Nước mưa từ hồ thu gom theo đường rãnh bằng bê tông, kích thước (rộng x sâu) là (0,4 x 0,6) m thoát ra sông Ô Chát và Rạch Xẻo Cụt.

- Nước mưa chảy tràn trên sân đường tự thấm và bốc hơi vào môi trường tiếp nhận.
- ✚ Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa chảy tràn của dự án tại khu vực nhà máy 2 được thể hiện qua hình sau:



Hình 4.2. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa khu vực nhà máy 2

#### \* Thuyết minh quy trình:

- Nước mưa chảy tràn trên mái nhà một phần theo độ dốc chảy xuống rạch Xẻo Nhỏ, một phần được thu gom bằng máng xối. Máng xối được bố trí dọc mái nhà, chất liệu tole kẽm, kích thước lòng máng (rộng x sâu) là (0,35 – 0,25) m. Nước mưa từ máng xối theo đường ống nhựa PVC Ø90 chảy xuống dưới và thoát ra rạch Xẻo Nhỏ.
- Nước mưa chảy tràn trên đất trống tự thấm và bốc hơi vào môi trường tiếp nhận.

#### b. Nước thải sinh hoạt

Nguồn phát sinh nước thải trong giai đoạn này chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công sửa chữa và lắp đặt. Với số lượng công nhân thi công tại nhà máy khoảng 10 người, thời gian làm việc 8 tiếng/ngày, lấy định mức cấp nước theo QCVN 01:2021/BXD là 80 lít/người/ngày. Lượng nước tiêu thụ khoảng 0,8 m<sup>3</sup>/ngày → Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này khoảng 0,64 m<sup>3</sup>/ngày (80% nước cấp sinh hoạt).

Tại nhà máy có bố trí nhà nghỉ cho công nhân, trong đó có hạng mục nhà vệ sinh kết hợp hầm tự hoại 03 ngăn, có thể tích 4,5 m<sup>3</sup>, để thu gom và xử lý lượng nước thải phát sinh trong giai đoạn này.

#### c. Nước thải từ hoạt động xây dựng

Dự án đã hoàn thành hoạt động xây dựng các hạng mục công trình, do đó giai đoạn này không phát sinh nước thải từ hoạt động xây dựng.

### 4.1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

#### a. Chất thải rắn sinh hoạt

Theo QCVN 01:2021/BXD<sup>14</sup>, định mức lượng CTRSH phát sinh là 0,8 kg/người/ngày. Với số lượng công nhân hoạt động trong giai đoạn này là 10 người,

<sup>14</sup> QCVN 01:2021/BXD-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.



ước tính khối lượng CTRSH phát sinh khoảng 8,0 kg/ngày. Một số công trình, biện pháp thu gom và xử lý được thực hiện như sau:

- Ưu tiên sử dụng nguồn lao động sẵn có tại địa phương;
- Thường xuyên giám sát, nhắc nhở và yêu cầu công nhân không xả rác bừa bãi, giữ gìn vệ sinh chung cho khu vực thực hiện dự án;
- Trang bị 02 thùng chứa CTRSH loại 120 lít, có nắp đậy, bố trí dọc lối đi để thu gom toàn bộ lượng CTRSH phát sinh trong giai đoạn này;
- Chủ dự án hợp đồng với Hợp tác xã Xây dựng Môi trường Trà Vinh, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH phát sinh với tần suất 03 lần/tuần.

#### **b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường**

CTRCNTT của dự án phát sinh trong giai đoạn này bao gồm khối lượng CTR hư hỏng được sửa chữa tại nhà máy 1 và ống nhựa, sắt thép dư thừa phát sinh từ việc lắp đặt đường dây, đường ống tại nhà máy 2. Ước tính khối lượng phát sinh cho đến khi kết thúc giai đoạn thi công dự án khoảng 200 kg/03 tháng thi công. Đây là những thành phần có thể tái chế lại, được chủ dự án thu gom và bán phế liệu sau khi kết thúc giai đoạn này.

#### **c. Chất thải nguy hại**

Do giai đoạn thi công ngắn nên giai đoạn này không phát sinh CTNH.

#### **4.1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

Nguồn phát sinh bụi, khí thải chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu ra vào khu vực nhà máy. Một số biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển được chủ dự án thực hiện như sau:

- Bê tông hóa đường giao thông nội bộ nhằm hạn chế bụi cuốn lên từ mặt đường khi các phương tiện di chuyển và tăng vẽ mỹ quan cho khu vực thực hiện dự án;
- Bố trí khu vực bãi đậu xe cho các phương tiện giao thông ra vào, các phương tiện đến liên hệ đều được nhắc nhở tắt máy trong thời gian chờ;
- Bố trí thời gian vận chuyển máy móc, nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt hợp lý, không vận chuyển vào những lúc cao điểm để tránh tình trạng ùn tắc giao thông;
- Các phương tiện vận chuyển phải được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng theo đúng quy định;
- Trong những ngày nắng, để hạn chế mức độ ô nhiễm khói bụi tại khu vực đường giao thông trong khu vực ra vào dự án, công nhân thường xuyên phun nước tưới ướt mặt đường nhằm hạn chế bụi, đất cát theo gió phát tán vào môi trường không khí xung quanh.

#### **4.1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn**

Nguồn phát sinh tiếng ồn trong giai đoạn này chủ yếu phát sinh từ hoạt động lắp đặt đường dây, đường ống và các hoạt động sửa chữa dây chuyên sản xuất. Các biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn được thực hiện như sau:



- Các thiết bị, máy móc sử dụng và các phương tiện vận chuyển phải được kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng theo quy định;
- Không thi công vào các giờ cao điểm để hạn chế tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến khu vực dân cư sinh sống xung quanh;
- Bố trí khu vực đỗ xe của công nhân, xe vận tải chỗ nguyên, vật liệu; thường xuyên nhắc nhở các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án phải tắt máy trong thời gian chờ.

#### **4.1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác**

##### **a. Giảm thiểu tác động đến tình hình giao thông trong khu vực:**

- Chủ dự án bố trí thời gian nhập các nguyên, vật liệu thi công xây dựng hợp lý, tránh tình trạng tập trung quá nhiều phương tiện giao thông cùng lúc;
- Quy định tốc độ ra vào của các phương tiện vận chuyển và thường xuyên nhắc nhở người điều khiển phương tiện tuân thủ quy định này;
- Các phương tiện vận chuyển luôn đảm bảo chở đúng tải trọng cho phép, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng theo đúng quy định.

##### **b. Biện pháp ứng phó, phòng ngừa rủi ro tai nạn lao động:**

Để đảm bảo an toàn lao động cho công nhân thi công xây dựng trong giai đoạn này, một số biện pháp áp dụng như sau:

- Chủ dự án đảm bảo trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân thi công trong giai đoạn này. Các trang phục này bao gồm: mũ, găng tay, kính bảo vệ mắt,...
- Sử dụng các dụng cụ y tế sẵn có tại khu vực đang hoạt động để sơ cứu kịp thời khi xảy ra sự cố.

#### **4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành**

##### **4.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải**

###### **a. Nước mưa chảy tràn**

- Duy trì công trình thu gom và thoát nước mưa chảy tràn mà dự án đã thực hiện;
- Định kỳ nạo vét hố thu gom nước mưa và khai thông đường rãnh thoát nước mưa;
- Quản lý tốt CTRSH, CTCNTT tránh các loại chất thải này rơi vãi hoặc bị cuốn vào hệ thống thoát nước mưa;
- Nước mưa chảy tràn được quy ước là nước “sạch” nếu không chảy qua khu vực ô nhiễm nên lượng nước này không cần xử lý mà theo đường rãnh thu gom thoát ra môi trường tiếp nhận.

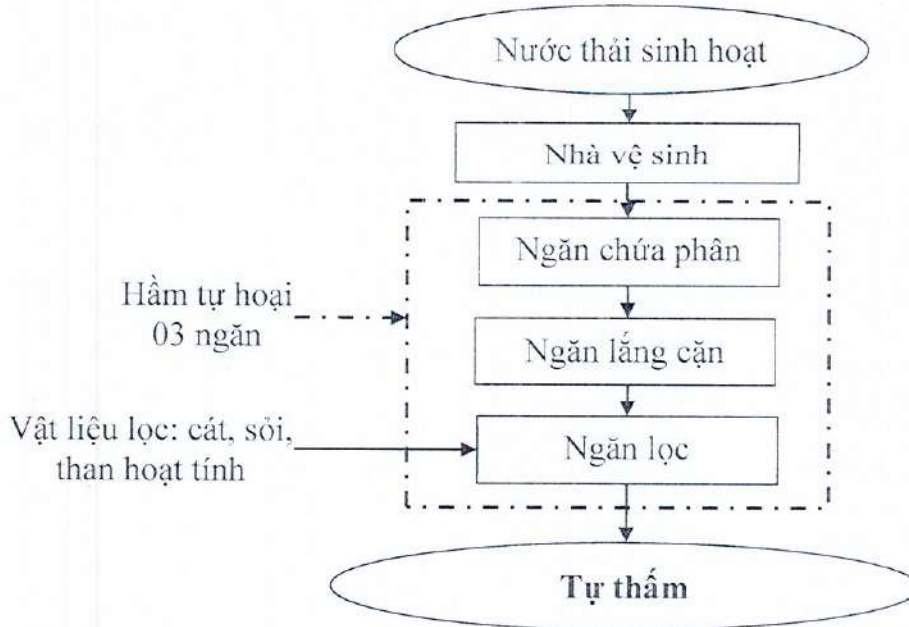
###### **b. Nước thải**

- Nước thải sản xuất: trong quá trình hoạt động, dự án có bổ sung nước cho khâu lau bóng. Tuy nhiên, lượng nước bổ sung được giữ lại trên bề mặt hạt gạo,



không thất thoát ra bên ngoài. Do đó, hoạt động của dự ản không phát sinh nước thải sản xuất.

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, với khối lượng phát sinh khoảng 1,92 m<sup>3</sup>/ngày (ước tính tỷ lệ thu gom đạt 80% lượng nước cấp cho mục đích sinh hoạt). Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại dự ản được thể hiện qua hình sau:

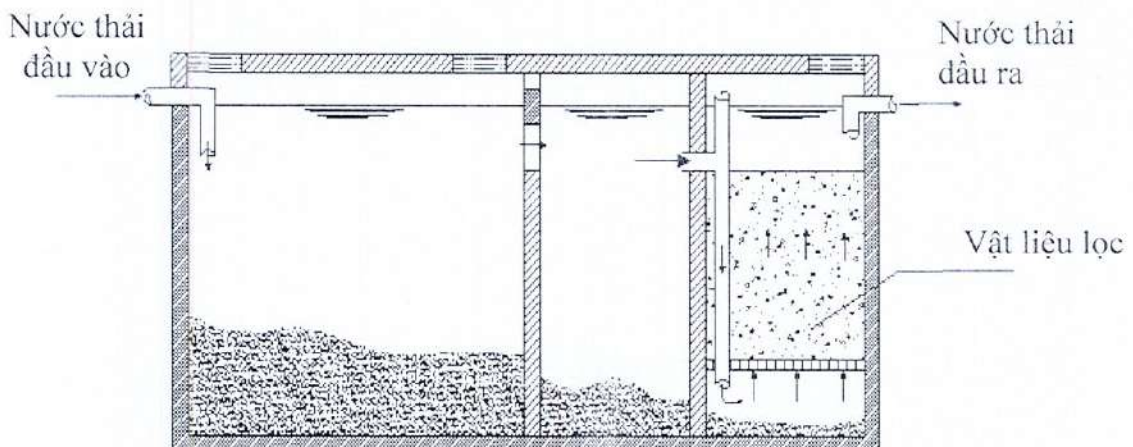


Hình 4.3. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại dự ản

#### ⚡ Thuyết minh quy trình

Nước thải sinh hoạt tại dự ản được thu gom từ nhà vệ sinh sau đó dẫn xuống hầm tự hoại 03 ngăn để xử lý. Tại đây, nước thải lần lượt đi qua các ngăn trong bể, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Bể tự hoại được xây dựng với đáy bằng bê tông, vách tường, nắp đáy kiên cố. Bể tự hoại 03 ngăn là công trình xử lý thực hiện ba chức năng: lắng cặn – phân hủy cặn – lọc nước. Trong bể tự hoại có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống dầu vào, dầu ra khi bị nghẹt.

- Cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn được thể hiện qua hình sau:



Hình 4.4. Sơ đồ mặt cắt bể tự hoại 03 ngăn



- Tính toán kích thước bể tự hoại

Thể tích phần lắng:  $W_a = Q \times T$  ( $m^3$ )

Trong đó: Q: Lưu lượng nước thải ( $1,92 m^3/ngày$ )

T: Thời gian lưu nước trong bể (2 ngày)

→ Như vậy thể tích phần lắng là:  $W_a = 1,92 \times 2 = 3,84 m^3$

Thể tích toàn phần chứa bùn:

$$W_b = \frac{b \times N}{1000}$$

Trong đó: b – Tiêu chuẩn tính ngăn chứa bùn (50 lít/người)

N: Số công nhân (tính cho 45 người)

Như vậy, thể tích phần chứa bùn là:  $W_b = 2,25 m^3$

Kết quả thể tích của bể tự hoại là  $W = W_a + W_b = 3,84 + 2,25 = 6,09 m^3$

→ Chọn thể tích hầm tự hoại phải xây dựng là  $6,09 m^3$ .

- Các thông số hạng mục nhà vệ sinh đã bố trí tại dự án:

- + Nhà vệ sinh 1: được bố trí ở khu vực nhà ở công nhân, kích thước (dài x rộng x sâu) là ( $2,0 \times 1,5 \times 1,5$ ) m, thể tích hầm tự hoại là  $4,5 m^3$ , nền lát gạch, tường bao, nắp đậy kiên cố;
- + Nhà vệ sinh 2: được bố trí tại khu nhà ở, kích thước (dài x rộng x sâu) là ( $2,0 \times 1,0 \times 1,5$ ) m, thể tích hầm tự hoại là  $3,0 m^3$ , nền lát gạch, tường bao, nắp đậy kiên cố.

- Nước thải sinh hoạt được lưu chứa trong hầm tự hoại, tự thấm vào môi trường. Để tăng hiệu quả xử lý của hầm tự hoại, định kỳ sẽ bổ sung chế phẩm sinh học và thuê đơn vị có chức năng hút bùn, cặn trong hầm với tần suất 06 tháng/lần.

#### 4.2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

##### a. Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển:

Phương tiện vận chuyển ra vào dự án trong giai đoạn này bao gồm các phương tiện đường bộ và phương tiện đường thủy. Trong đó, phương tiện đường bộ chủ yếu là xe máy của công nhân viên, khách hàng đến liên hệ và xe ô tô tải; phương tiện đường thủy chủ yếu là ghe, tàu chở lúa, gạo có trọng tải thấp. Một số biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển được chủ dự án thực hiện như sau:

- Đường giao thông nội bộ đã được bê tông hóa nhằm hạn chế bụi cuốn lên từ mặt đường khi các phương tiện di chuyển và tăng vẻ mỹ quan cho khu vực thực hiện dự án;

- Bố trí khu vực bãi đậu xe cho các phương tiện đường bộ (xe ô tô tải, xe máy của khách hàng, xe máy của công nhân); các phương tiện đến liên hệ đều được nhắc nhở tắt máy trong thời gian chờ;



- Đối với các phương tiện đường thủy (ghe, tàu của khách hàng) được chủ dự án nhắc nhở tắt máy phương tiện khi cập bến dự án để xuất – nhập hàng hóa;
- Các phương tiện vận chuyển phải được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng theo đúng quy định và không vận chuyển quá tải trọng cho phép;
- Tưới mát đường đi vào những ngày nắng nóng, có gió nhằm hạn chế bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của các phương tiện ra vào ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

#### **b. Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất**

Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất của dự án tại các công đoạn như sau:

##### **- Bụi phát sinh từ công đoạn nhập nguyên liệu, sàng tách tạp chất:**

Công đoạn nhập lúa nguyên liệu phát sinh bụi trong trường hợp nhập lúa khô từ ghe, tàu của khách hàng. Vị trí phát sinh bụi chủ yếu tại đầu xả của băng tải vào cửa nạp liệu và tại đầu xả của gàu tải vào bồn chứa lúa. Trong trường hợp nhập lúa ướt thì hầu như không phát sinh bụi do lúa có độ ẩm cao.

##### **- Bụi, khí thải, nhiệt dư phát sinh từ dây chuyền sấy lúa:**

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sấy chủ yếu từ việc đốt nhiên liệu cho quá trình sấy. Nguồn tác động này sẽ phát sinh ra bụi tro, CO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, SO<sub>x</sub>,.... Lượng bụi và khí thải phát sinh có kích thước hạt và nồng độ ô nhiễm dao động lớn và phụ thuộc nhiều vào yếu tố kỹ thuật của lò đốt.

##### **- Bụi phát sinh từ dây chuyền xay xát và lau bóng:**

Bụi phát sinh từ quá trình xay xát chủ yếu từ các hoạt động: sàng tách tạp chất, về găng phân loại để tách cám, tấm, thóc và trấu. Bụi chủ yếu là bụi cám và bụi trấu. Bụi phát sinh từ quá trình lau bóng chủ yếu từ các công đoạn: sàng tách tạp chất, xát trắng, chọn hạt. Bụi phát sinh ở công đoạn này chủ yếu là bụi mịn. Tuy nhiên, các máy móc, thiết bị thực hiện sàng tách, xát trắng, trống chọn hạt,... đều kín khí, đảm bảo không phát sinh bụi ra môi trường xung quanh.

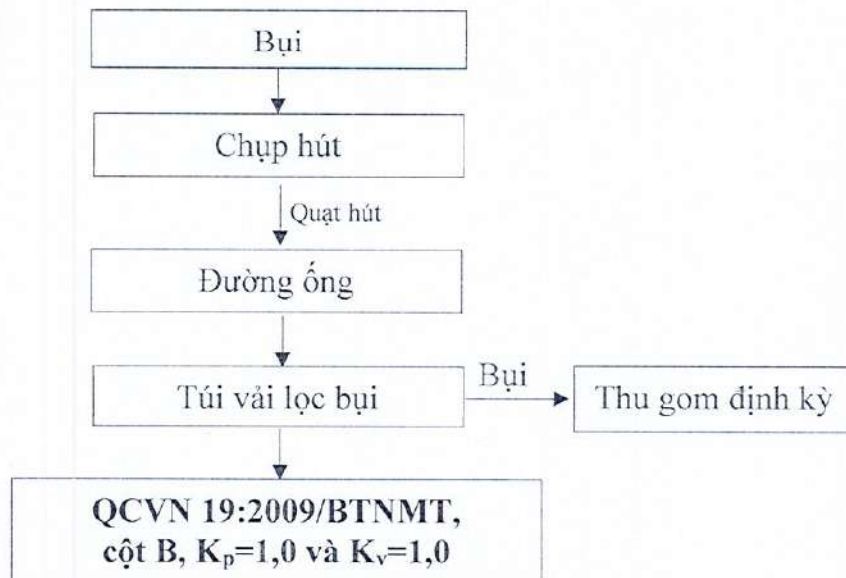
Các dây chuyền sản xuất đều có các công trình thu gom, xử lý bụi được lắp đặt đồng bộ, hợp khối; đối với công trình xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư của lò sấy lúa được xây dựng đồng bộ với lò sấy. Cụ thể, các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất tại nhà máy đang hoạt động được thực hiện như sau:

#### **± Công trình thu gom, xử lý bụi từ công đoạn nhập nguyên liệu và sàng tách tạp chất:**

- Quy mô, công suất, thông số kỹ thuật của công trình xử lý bụi bằng túi vải của công đoạn nhập liệu và sàng tách tạp chất:
  - + Các công đoạn xử lý: chụp hút (quạt hút), túi vải lọc bụi, thu gom.
  - + Số lượng túi vải lọc bụi: 16 túi.
  - + Chụp hút + đường ống dẫn: 01 bộ.



- + Quạt hút: 01 cái, công suất 11 kW (tương đương lưu lượng gió là 15.000 m<sup>3</sup>/giờ).
- + Lưu lượng khí thải phát sinh: 10.500 m<sup>3</sup>/giờ (70% lưu lượng gió của quạt hút).
- + Công nghệ xử lý: công nghệ lọc bụi bằng túi vải.
- Quy trình thu gom, xử lý bụi từ công đoạn nhập nguyên liệu và sàng tách hạt được thể hiện qua sơ đồ sau:



Hình 4.5. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi từ hoạt động nhập nguyên liệu và sàng tách hạt

#### \* Thuyết minh quy trình:

Bụi phát sinh từ công đoạn nhập lúa nguyên liệu từ ghe, xe, tàu, sà lan và từ công đoạn sàng tách hạt được chụp hút và quạt hút dẫn về các túi vải để lọc bụi thông qua đường ống dẫn. Lượng bụi có trong dòng khí sẽ được giữ lại trong túi vải, không khí được làm sạch sẽ thoát ra môi trường xung quanh qua các lỗ thoát khí trên bề mặt túi vải.

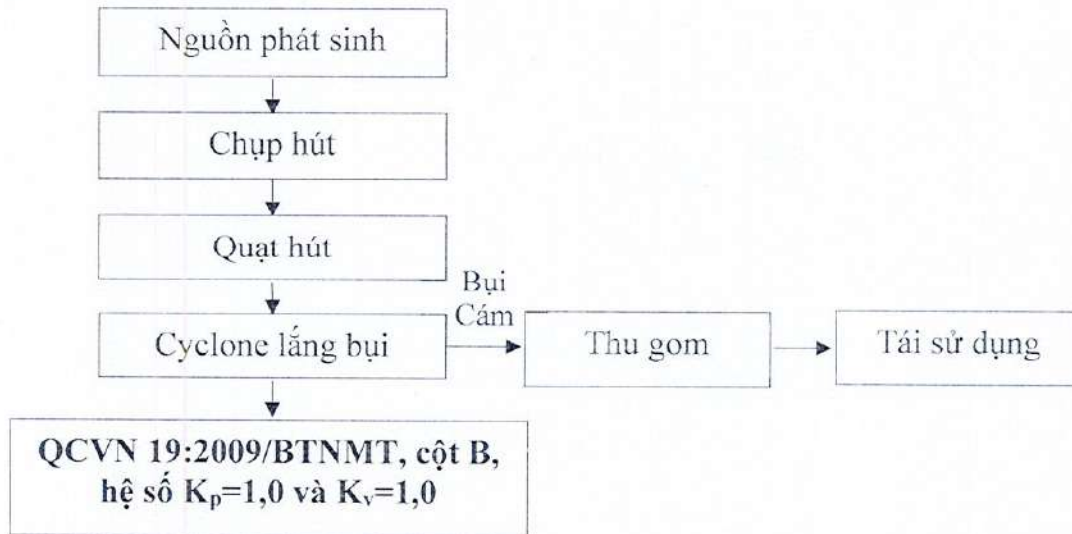
Túi vải lọc bụi được vệ sinh định kỳ, bụi từ túi vải lọc sẽ được thu gom và xử lý theo quy định.

#### ± Công trình thu gom, xử lý bụi từ dây chuyền xay xát và lau bóng tại nhà máy 1 và dây chuyền xay xát tại nhà máy 2:

- Quy mô, công suất, thông số kỹ thuật của công trình xử lý bụi:
  - + Công suất xử lý: công suất thiết kế của quạt hút là 11 kW (tương đương lưu lượng là 15.000 m<sup>3</sup>/giờ).
  - + Lưu lượng khí thải phát sinh: 10.500 m<sup>3</sup>/giờ (70% lưu lượng gió của quạt hút).
  - + Các công đoạn xử lý: chụp hút (quạt hút), cyclone lắng bụi, thu gom.
  - + Số lượng: 04 bộ.



- + Công nghệ xử lý: công nghệ lắng bụi bằng cyclone.
- Quy trình thu gom, xử lý bụi từ dây chuyền xay xát, lau bóng gạo được thể hiện qua hình sau:



Hình 4.6. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi từ dây chuyền xay xát, lau bóng tại nhà máy

#### \* Thuyết minh quy trình:

Tại các công đoạn phát sinh bụi của dây chuyền xay xát và lau bóng đều được lắp đặt chụp hút để thu hồi bụi phát sinh. Lượng bụi phát sinh sẽ được quạt hút đưa về cyclone để lắng bụi thông qua chụp hút và đường ống.

Hạt bụi trong dòng khí sẽ bị cuốn vào chuyển động xoáy, dưới tác động của lực ly, các hạt bụi rời xa tâm quay và tiến về vỏ ngoài cyclone. Đồng thời, hạt bụi chịu tác động của sức cản không khí theo chiều ngược hướng với hướng chuyển động, kết quả là hạt bụi dịch chuyển dần về vỏ ngoài của cyclone, khi va chạm với thành vỏ sẽ mất động năng và rơi xuống phễu thu. Không khí được làm sạch sẽ thoát ra môi trường bên ngoài.

#### ± Công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư từ lò sấy lúa

Nhà máy có lắp đặt 06 lò sấy lúa, tùy vào nguồn lúa nhiên liệu mà thời gian sấy sẽ khác nhau, trung bình dao động từ 8-11 giờ/mẻ, thời gian vào mẻ sấy cho đến khi ra mẻ dao động từ 15-20 giờ/mẻ. Nguyên liệu vận hành lò sấy là trấu có sẵn tại nhà máy, trung bình mỗi ngày cần sử dụng khoảng 6,0 – 7,2 tấn trấu để vận hành 06 lò sấy. Quá trình đốt trấu ở điều kiện cháy hoàn toàn với lượng không khí dồi dào sẽ làm phát sinh khí thải là CO<sub>2</sub>, hơi nước và bụi tro. Bụi trong dòng khí thải có kích thước hạt từ 0,1 μm -500 μm, nồng độ dao động từ 200 – 500 mg/Nm<sup>3</sup>, nếu không có biện pháp xử lý sẽ gây ô nhiễm môi trường xung quanh, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân xung quanh dự án.

Tham khảo Sổ tay hướng dẫn xử lý môi trường trong sản xuất tiêu thủ công nghiệp, tập 2 thì khi đốt củi hoặc các sản phẩm có tính chất tương tự thì cứ 1,0 kg chất đốt sẽ phát sinh khoảng 4,23 m<sup>3</sup> khí thải. Khi đó, lượng khí thải phát sinh trong 01 ngày của các lò sấy là 45.684 m<sup>3</sup>/ngày, tương đương khoảng 5.711 m<sup>3</sup>/giờ.



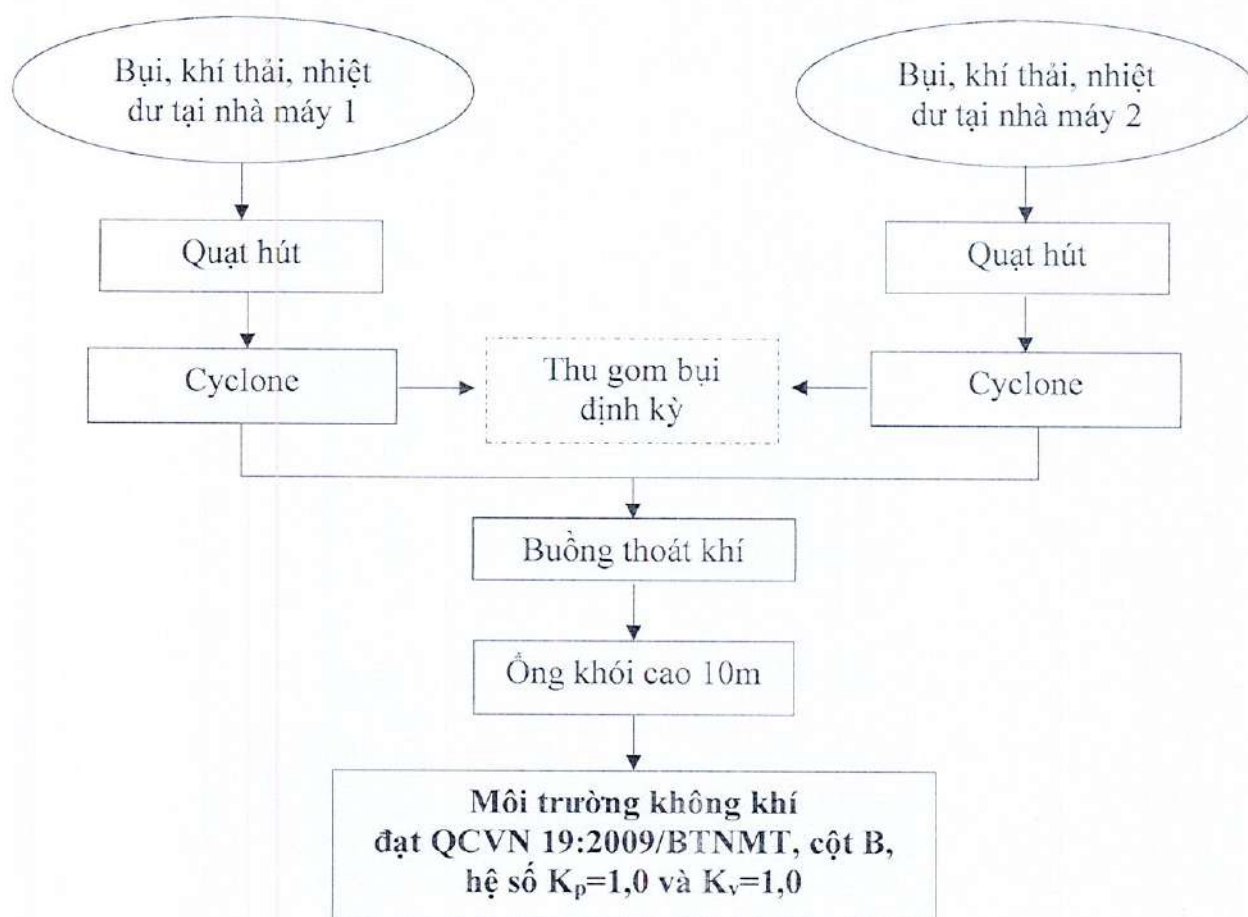
**\* Công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư từ lò sấy lúa, cụ thể như sau:**

- Quy mô, công suất, thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư:

- + Công suất thiết kế của quạt hút khí là 7,5 kW (tương đương lưu lượng gió là 12.000 m<sup>3</sup>/giờ).
- + Các công đoạn xử lý: quạt hút, đường ống dẫn, cyclone lắng bụi, buồng thoát khí.
- + Hệ thống ống dẫn bụi, khí thải, nhiệt dư: 01 hệ thống.
- + Quạt hút khí: 06 cái.

- Công nghệ xử lý: công nghệ lắng bụi bằng cyclone

- Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư của công đoạn sấy lúa như sau:



Hình 4.7. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư của dây chuyền sấy lúa

**\* Thuyết minh quy trình:**

Bụi, khí thải và nhiệt dư từ 02 dây chuyền sấy lúa tại 02 nhà máy theo các đường ống dẫn thông qua quạt hút đưa về các cyclone xử lý.



Mỗi lò sấy sẽ có 1 đường ống dẫn và quạt hút để đưa dòng bụi, khí thải về cyclone để xử lý. Tại đây, các hạt bụi (tro) trong dòng khí sẽ bị cuốn vào chuyển động xoáy, dưới tác động của lực ly, các hạt bụi rời xa tâm quay và tiến về vỏ ngoài cyclone. Đồng thời, hạt bụi chịu tác động của sức cản không khí theo chiều ngược hướng với hướng chuyển động, kết quả là hạt bụi dịch chuyển dần về vỏ ngoài của cyclone, khi va chạm với thành vỏ sẽ mất động năng và rơi xuống phễu thu.

Bụi tro sẽ được giữ lại, dòng khí thải và nhiệt dư sẽ theo đường ống dẫn ra buồng thoát khí tại nhà máy 1. Dòng khí thải được làm mát nhờ hơi lạnh tự nhiên từ rạch Xẻo Cụt, khí thải sau khi được làm mát sẽ thoát ra môi trường bên ngoài theo đường ống khói Ø600, chiều cao ống khói là 10 m.

#### ⚡ Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải khác:

- Nhà xưởng được thiết kế có độ cao 10 m, thông thoáng. Nền nhà xưởng được bê tông hóa, quy định vệ sinh tại vị trí làm việc vào cuối ngày làm việc;
- Công nhân làm việc tại các vị trí phát sinh bụi cao được trang bị đầy đủ khẩu trang để đảm bảo sức khỏe trong quá trình làm việc;
- Định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho công nhân làm việc trong nhà máy 01 năm/lần;

#### \* Tham khảo kết quả đo đạc của mẫu khí thải đầu ra (sau xử lý):

Thời điểm thu mẫu khí thải sau xử lý của lò sấy tại nhà máy 1 vào thời điểm nhà máy đang hoạt động, chất lượng khí thải đầu ra tại ống khói lò sấy lúa được trình bày theo bảng sau:

Bảng 4.1. Kết quả chất lượng khí thải đầu ra tại ống khói lò sấy lúa

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT <sup>15</sup> , cột B, hệ số $K_p=1,0$ , $K_v=1,0$
1	Lưu lượng	Nm <sup>3</sup> /h	5.130	-
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	62,8	200
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	35	500
4	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	79	850
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	204	1.000

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)

Ghi chú: “-”: Giá trị giới hạn không quy định theo QCVN 19:2009/BTNMT.

#### \* Nhận xét:

Qua kết quả từ bảng trên nhận thấy, kết quả đo đạc các thông số trong mẫu khí thải đầu ra sau HTXL khí thải lò sấy tại nhà máy 1 có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số  $K_p=1,0$ ,  $K_v=1,0$ .

<sup>15</sup> QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.



Bảng 4.2. Tổng hợp các hạng mục, công trình BVMT đối với bụi, khí thải sau khi dự án đi vào hoạt động

Stt	Hạng mục công trình thực hiện	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ công đoạn nhập nguyên liệu và sàng tách tạp chất	Hệ thống	01
1.1	Túi vải lọc bụi	Túi	16
1.2	Chụp hút, đường ống dẫn	Bộ	01
1.3	Quạt hút, công suất 11 kW	Cái	01
2	Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ dây chuyền xay xát và lau bóng	Hệ thống	01
2.1	Chụp hút, đường ống dẫn, cyclone lắng bụi	Bộ	04
2.2	Quạt hút, công suất 11 kW	Cái	04
3	Hệ thống xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư từ công đoạn sấy lúa	Hệ thống	04
3.1	Đường ống dẫn, cyclone	Bộ	04
3.2	Quạt hút, công suất 7,5 kW	Cái	04
3.3	Buồng thoát khí	Cái	01
3.4	Ống khói	Cái	01
4	Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ dây chuyền xay xát tại nhà máy 2	Hệ thống	01
4.1	Chụp hút, đường ống dẫn, cyclone lắng bụi	Bộ	01
4.2	Quạt hút, công suất 11 kW	Cái	01

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)

#### 4.2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

##### a. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTRSH

Số lượng công nhân làm việc tại nhà máy là 45 người. Thành phần và khối lượng CTRSH phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu là: bao bì, vỏ đồ hộp, chai nhựa, thực phẩm dư thừa, rau, củ,..., với khối lượng khoảng 18 kg/ngày, tương đương khoảng 468 kg/tháng. Các công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTRSH thực hiện trong giai đoạn này như sau:



- Bố trí 03 thùng chứa CTRSH loại 120 lít, bằng nhựa HDPE, có nắp đậy (02 thùng bố trí tại nhà máy 1 và 01 thùng bố trí tại khu vực nhà máy 2) để thu gom CTRSH hàng ngày;

- Thường xuyên nhắc nhở công nhân không vứt rác bừa bãi, giữ gìn vệ sinh chung cho khu vực thực hiện dự án;

- Đơn vị thu gom và xử lý: Hợp tác xã Xây dựng Môi trường Trà Vinh, thu gom, vận chuyển và xử lý với tần suất 03 lần/tuần.

#### **b. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTCRCNTT**

- Thành phần CTCRCNTT phát sinh trong giai đoạn này bao gồm: bao bì hư hỏng, tro (trấu), và bụi cám thu được từ các cyclone lắng bụi, ước tính khối lượng phát sinh như sau:

*Bảng 4.3. Thành phần và khối lượng CTCRCNTT phát sinh khi dự án đi vào hoạt động*

Stt	Thành phần	Khối lượng CTCRCNTT phát sinh (kg/tháng)
1	Bao bì hư hỏng	50
2	Tro	28.000
3	Bụi cám thu được từ túi lọc vải	500
<b>Tổng cộng (1 + 2 + 3)</b>		<b>28.550</b>

*(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)*

- Biện pháp lưu giữ, xử lý CTCRCNTT trong giai đoạn này được thực hiện như sau:

- + Thu gom, phân loại CTCRCNTT, bố trí khu vực chứa theo từng loại phát sinh;
- + Đối với bao bì hư hỏng: được thu gom và chứa tại từng khu vực phát sinh, định kỳ bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu;
- + Đối với tro: sau thời gian hạ nhiệt (kết thúc mẻ sấy lúa), khối lượng tro phát sinh sẽ được công nhân thu gom vào bao chứa và bán lại cho các hộ dân hoặc cơ sở thu mua có nhu cầu sử dụng trong canh tác nông nghiệp;
- + Đối với bụi cám thu được từ túi lọc vải, cyclone: định kỳ thu gom vào bao chứa và bán lại cho các hộ dân sinh sống xung quanh khu vực dự án có nhu cầu sử dụng.

#### **c. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTNH**

- Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn này bao gồm: giẻ lau dính dầu nhớt và bóng đèn hư hỏng, với khối lượng khoảng 10 kg/năm, cụ thể như sau:



Bảng 4.4. Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh tại dự án

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh huỷ hổng	Rắn	16 01 06	3,0
2	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	18 02 01	7,0
<b>Tổng cộng (1 + 2)</b>				<b>10,0</b>

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)

- Công trình thu gom và biện pháp lưu giữ, xử lý:
  - + Bố trí khu vực chứa CTNH, diện tích khu vực chứa khoảng 1,0 m<sup>2</sup>, kết cấu nền bê tông, mái tole, tường bao;
  - + Bố trí 02 thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 120 lít, có dán nhãn đề thu gom và lưu chứa CTNH phát sinh tại nhà máy (01 thùng chứa giẻ lau dính dầu nhớt và 01 thùng chứa bóng đèn huỷ hổng);
  - + Biện pháp xử lý CTNH: CTNH được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các dụng cụ chứa. Chủ dự án hợp đồng với Công ty CP Môi trường Xanh VN để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định (Hợp đồng số VP174/23/HDXLHCM-VL ngày 15/5/2023).

#### 4.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chủ yếu từ hoạt động sản xuất tại 02 nhà máy và hoạt động ra vào của các phương tiện vận chuyển. Một số công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung được thực hiện như sau:

- *Giải pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ hoạt động sản xuất:*
  - + Bố trí khoảng cách hợp lý các máy móc, thiết bị sản xuất trong nhà máy nhằm giảm thiểu sự cộng hưởng về tiếng ồn và độ rung khi hoạt động cùng lúc;
  - + Máy móc, thiết bị sản xuất phải được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, tra dầu nhớt thường xuyên để tăng độ bôi trơn, giúp máy móc thiết bị giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động;
  - + Hạn chế công nhân ra vào các khu vực phát sinh tiếng ồn cao (khu vực lao bóng gạo, khu vực chuyên xay xát) do các khu vực này đều được thực hiện theo hình thức bán tự động;
  - + Công nhân sản xuất được trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động.
- *Giải pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện vận chuyển:*
  - + Thường xuyên nhắc nhở các phương tiện giao thông đường thủy (ghe, tàu) và các phương tiện đường bộ (xe tải, xe máy) đèn liên hệ tại dự án phải tắt máy trong thời gian chờ;



- + Bố trí khu vực đậu xe máy của khách hàng, công nhân viên hợp lý;
- + Sắp xếp, bố trí thời gian giao hàng hóa, nguyên, vật liệu hợp lý, tránh tình trạng tập trung quá nhiều phương tiện cùng lúc;
- + Phương tiện vận chuyển phải được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo quy định;

#### 4.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khi dự án đi vào vận hành

##### a. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

- Lập phương án PCCC trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- Các thiết bị, máy móc, vật tư, hàng hóa được sắp xếp hợp lý, gọn gàng, đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra và di chuyển dễ dàng khi có sự cố xảy ra;
- Bố trí các thiết bị sử dụng điện hợp lý, cầu dao điện tuân thủ các biện pháp an toàn về điện;
- Nghiêm cấm hút thuốc bên trong khuôn viên nhà xưởng, kho chứa. Khi phát hiện sai phạm sẽ có hình thức kỷ luật theo đúng nội quy quy định.
- Danh mục trang thiết bị, dụng cụ PCCC trang bị khi dự án đi vào hoạt động được trình bày theo bảng sau:

Bảng 4.5. Danh mục trang thiết bị, dụng cụ PCCC khi dự án đi vào hoạt động

Stt	Thiết bị, dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Khu vực bố trí
1	Bình bột MFZ8	Cái	12	Nhà máy 1
2	Bình bột MT35	Cái	06	
3	Bình bột MFZ8	Cái	06	Nhà máy 2
4	Bình bột MT35	Cái	03	
<b>Tổng cộng (1 + 2 + 3 + 4)</b>			<b>27</b>	

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)

##### b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động:

- Thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa, kiểm tra hệ thống – thiết bị định kỳ nhằm bảo đảm hạn chế sự cố phát sinh có thể gây tai nạn lao động cho công nhân làm việc tại dự án;
- Tổ chức tập huấn về quy trình vận hành máy móc, thiết bị, đảm bảo an toàn lao động cho công nhân trước khi làm việc chính thức tại dự án;
- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân;
- Bố trí thời gian làm việc hiệu quả, phù hợp sức khỏe công nhân, thường xuyên kiểm tra sức khỏe, bệnh nghề nghiệp định kỳ cho công nhân;



- Tham gia và đóng bảo hiểm đầy đủ cho công nhân viên theo đúng quy định của pháp luật.

### c. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố sạt lở bờ sông

Tại nhà máy đã xây dựng bờ kè chắc chắn bằng BTCT với tổng chiều dài khoảng 100 m và hoạt động xuất/nhập lúa gạo tại bến bãi của dự án đã được đăng ký hoạt động theo Quyết định số 111/QĐ-SGTVT ngày 06/6/2022 của Sở Giao thông Vận tải về việc công bố hoạt động của bến thủy nội địa.

#### 4.2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi

Hoạt động của dự án không phát sinh nước thải xả ra công trình thủy lợi.

### 4.3. Tổ chức thực hiện các công trình biện pháp bảo vệ môi trường

Trong quá trình xây dựng và hoạt động, chủ dự án luôn quan tâm và thực hiện các biện pháp BVMT nhằm hạn chế những tác động đến môi trường. Chủ dự án xây dựng phương án và tổ chức thực hiện các biện pháp BVMT như sau:

*Bảng 4.6. Phương án và tổ chức thực hiện các biện pháp BVMT trong giai đoạn thi công xây dựng và khi dự án đi vào hoạt động*

Stt	Công trình/giải pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí dự kiến (đồng)	Thời gian thực hiện	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Đơn vị giám sát
<b>I Giai đoạn thi công xây dựng</b>					
1	Tưới nước sân đường	-	Hàng ngày	Người được phân công	Chủ dự án
2	Bố 02 thùng chứa CTRSH, thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.	-			
3	Bố trí khu vực chứa CTRCNTT, thu gom, phân loại, bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu.	-			
<b>II Giai đoạn dự án đi vào hoạt động</b>					
1	Xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước bên trong dự án	Kinh phí xây dựng của dự án	Hoàn thành trong giai đoạn thi công xây dựng	Chủ dự án	Cơ quan nhà nước
2	Bố trí 03 thùng chứa CTRSH, loại 120 lít, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH.	3.000.000	Tháng 09/2023		



Stt	Công trình/giải pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí dự kiến (đồng)	Thời gian thực hiện	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Đơn vị giám sát
3	Trang bị dụng cụ, BHLĐ cho công nhân	10.000.000	Thực hiện trong suốt giai đoạn vận hành dự án		
4	Trang bị hệ thống, phương tiện, thiết bị PCCC	3.000.000			
5	Hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH	Theo hợp đồng			
6	Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, thu gom và xử lý CTNH	Theo hợp đồng			

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)

- Trong giai đoạn thi công, chủ dự án sẽ có trách nhiệm phân công cho các cá nhân phụ trách thực hiện, vận hành các giải pháp BVMT, thường xuyên nhắc nhở công nhân nghiêm túc chấp hành, thực hiện các công trình BVMT trong quá trình thi công xây dựng đã được đề xuất;

- Khi dự án đi vào vận hành, phương án tổ chức thực hiện các công trình BVMT của dự án sẽ do chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện. Giao cho nhân viên phụ trách có liên quan vận hành các công trình BVMT có liên quan trong quá trình hoạt động, khi có vấn đề phát sinh phải báo cáo trực tiếp cho chủ dự án.

#### 4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Những kết quả đánh giá, đề xuất, nhận xét trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án có mức độ tin cậy, chi tiết cao, bởi vì:

- Báo cáo đã đề xuất được các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động có thể xảy ra khi thực hiện dự án, các giải pháp đề xuất mang tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện thực tế tại dự án;

- Sử dụng kết quả phân tích môi trường nền từ cơ quan có chức năng phân tích và quan trắc môi trường, cụ thể là từ Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;

- Sử dụng số liệu quan trắc môi trường từ Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021; Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2021, xuất bản năm 2022;

Ngoài ra, công tác thống kê, xử lý số liệu được thực hiện bởi đội ngũ nhân viên được đào tạo chuyên môn về kỹ thuật môi trường, địa chất công trình, khoa học môi trường, quản lý môi trường.



## CHƯƠNG V

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải: 12 nguồn khí thải phát sinh được trình bày theo bảng sau:

*Bảng 5.1. Thống kê nguồn phát sinh bụi, khí thải và lưu lượng xả khí thải tại dự án*

Stt	Nguồn phát sinh	Số lượng	Dòng khí thải	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /giờ)
1	Bụi phát sinh từ công đoạn sản nguyên liệu, tách tạp chất	01	01	10.500
3	Bụi, khí thải phát sinh từ 06 lò đốt trấu tại nhà máy 1 và nhà máy 2	06	01	5.711
4	Bụi phát sinh từ dây chuyền xay xát và lau bóng tại nhà máy 1	04	01	10.500
5	Bụi phát sinh từ dây chuyền xay xát tại nhà máy 2	01	01	10.500
<b>Tổng cộng</b>		<b>12</b>	<b>04</b>	<b>37.211</b>

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 37.211 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải: 04 dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải đề nghị cấp phép như sau:

+ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải đề nghị cấp phép đối với dòng khí thải phát sinh từ lò đốt trấu tại nhà máy 1 và nhà máy 2 được thể hiện qua bảng sau:

*Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải đề nghị cấp phép đối với dòng khí thải từ lò đốt trấu*

Stt	Các chất ô nhiễm đề xuất cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B hệ số K <sub>p</sub> = 1,0, K <sub>v</sub> = 1,0
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500



Stt	Các chất ô nhiễm đề xuất cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B hệ số $K_p = 1,0$ , $K_v = 1,0$
4	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	850

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)

+ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải đề nghị cấp phép đối với các dòng khí thải còn lại như sau:

Bảng 5.3. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải đề nghị cấp phép đối với các dòng khí thải còn lại

Stt	Các chất ô nhiễm đề xuất cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B hệ số $K_p = 1,0$ , $K_v = 1,0$
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)

- Vị trí, phương thức xả khí thải: vị trí xả khí thải tại ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ vị trí, phương thức xả thải được trình bày theo bảng sau:

Bảng 5.4. Vị trí, phương thức xả khí thải

Stt	Dòng bụi, khí thải	Ký hiệu	Hệ tọa độ VN-2000 (kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°)		Phương thức xả thải
			X (m)	Y (m)	
1	Công trình xử lý bụi từ công đoạn sản nguyên liệu, tách tạp chất	KT <sub>1</sub>	1094689	583838	Xả thải theo ca sản xuất trong ngày
2	Công trình xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư từ dây chuyền sấy lúa tại nhà máy 1 và nhà máy 2 (xả thải qua ống khói)	KT <sub>2</sub>	1094700	583919	Xả thải theo mùa vụ (03 vụ/năm, 02 tháng/vụ)
3	Công trình xử lý bụi từ dây chuyền xay xát và lau bóng tại nhà máy 1	KT <sub>3</sub>	1094688	583913	Xả thải theo ca sản xuất trong ngày
4	Công trình xử lý bụi từ dây chuyền xay xát tại nhà máy 2	KT <sub>4</sub>	1094723	583911	Xả thải theo ca sản xuất trong ngày

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)



**5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động sản xuất tại 02 nhà máy.
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: tại các khu vực nhập liệu, dây chuyền xay xát, lau bóng tại ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:
  - + Tiếng ồn: giá trị giới hạn đối với tiếng ồn được trình bày theo bảng sau:

*Bảng 5.5. Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép*

Stt	Khu vực	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 26:2010/BTNMT <sup>16</sup>	
			6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực thông thường	dBA	70	55

*(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)*

- + Độ rung: giá trị giới hạn đối với độ rung được trình bày theo bảng sau:

*Bảng 5.6. Giá trị giới hạn của độ rung đề nghị cấp phép*

Stt	Khu vực	Đơn vị	Mức gia tốc rung đối theo QCVN 27:2010/BTNMT <sup>17</sup>	
			6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực thông thường	dB	70	60

*(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)*<sup>16</sup> QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.<sup>17</sup> QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ.



**CHƯƠNG VI****KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án, chủ dự án đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

**6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án****6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

Căn cứ theo Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, dự án có các hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải cần vận hành thử nghiệm như sau:

*Bảng 6.1. Hạng mục công trình xử lý chất thải vận hành thử nghiệm*

Stt	Hạng mục công trình	Công suất
1	Công trình xử lý bụi phát sinh từ khâu nhập nguyên liệu, sản tách tạp chất	10.500 m <sup>3</sup> /giờ
2	Công trình xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư từ công đoạn sấy lúa	5.711 m <sup>3</sup> /giờ
3	Công trình xử lý bụi tại dây chuyền xay xát và lau bóng (nhà máy 1)	10.500 m <sup>3</sup> /giờ
4	Công trình xử lý bụi tại dây chuyền xay xát (nhà máy 2)	10.500 m <sup>3</sup> /giờ

*(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)*

Dựa trên các hạng mục công trình xử lý chất thải vận hành thử nghiệm, kế hoạch vận hành thử nghiệm tại dự án như sau:

*Bảng 6.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải*

Stt	Hạng mục công trình	Thời gian		Công suất dự kiến đạt được
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	Công trình xử lý bụi phát sinh từ khâu nhập nguyên liệu, sản tách tạp chất	Ngày 01/9/2023	Ngày 31/01/2024	10.500 m <sup>3</sup> /giờ
2	Công trình xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư từ công đoạn sấy lúa			5.711 m <sup>3</sup> /giờ
3	Công trình xử lý bụi tại dây chuyền xay xát và lau bóng (nhà máy 1)			10.500 m <sup>3</sup> /giờ
4	Công trình xử lý bụi tại dây chuyền xay xát (nhà máy 2)			10.500 m <sup>3</sup> /giờ

*(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)*



### 6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Căn cứ khoản 5 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, việc quan trắc bụi, khí thải của dự án trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải như sau:

*Bảng 6.3. Kế hoạch quan trắc đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý bụi, khí thải sau xử lý*

Stt	Tên công trình	Tần suất	Số lượng mẫu/lần	Loại mẫu	Thời gian dự kiến
1	Công trình xử lý bụi phát sinh từ khâu nhập nguyên liệu, sàn tách tạp chất	03 lần	01 mẫu	Mẫu đơn	03 ngày liên tiếp trong khoảng thời gian vận hành thử nghiệm từ 01/9/2023-31/01/2024
2	Công trình xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư từ công đoạn sấy lúa	03 lần	01 mẫu	Mẫu đơn	
3	Công trình xử lý bụi tại dây chuyền xay xát và lau bóng (nhà máy 1)	03 lần	01 mẫu	Mẫu đơn	
4	Công trình xử lý bụi tại dây chuyền xay xát (nhà máy 2)	03 lần	01 mẫu	Mẫu đơn	

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)

*Ghi chú: Mẫu quan trắc đánh giá hiệu quả công trình xử lý bụi, khí thải là mẫu đầu ra (mẫu sau xử lý) của từng công trình xử lý bụi, khí thải tại dự án.*

Thông số quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm đối với các công trình xử lý bao gồm:

*Bảng 6.4. Thông số ô nhiễm quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm*

Stt	Tên công trình	Thông số quan trắc
1	Công trình xử lý bụi phát sinh từ khâu nhập nguyên liệu, sàn tách tạp chất	Bụi tổng
2	Công trình xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư từ công đoạn sấy lúa	Lưu lượng, bụi tổng, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ), CO
3	Công trình xử lý bụi tại dây chuyền xay xát và lau bóng (nhà máy 1)	Bụi tổng
4	Công trình xử lý bụi tại dây chuyền xay xát (nhà máy 2)	Bụi tổng

(Nguồn: DNTN Vạn Lợi, 2023)



Tổ chức có đủ điều kiện quan trắc môi trường theo quy định dự kiến phối hợp thực hiện là Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng (VIMCERTS 064) để tiến hành lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường.

- Tên đơn vị: Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng.
- Địa chỉ: số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 3640 2353.
- Chứng nhận Vimcerts: Quyết định số 1061/QĐ-BTNMT ngày 28/5/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, số hiệu chứng nhận VIMCERTS 064.

Quá trình thực hiện lấy mẫu, phân tích mẫu thì đơn vị có chức năng quan trắc sẽ phối hợp với một số nhà thầu phụ để đảm bảo đầy đủ chức năng quan trắc môi trường theo quy định.

## **6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật**

### **6.2.1. Chương trình quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục và định kỳ**

Căn cứ theo Điều 112 của Luật BVMT, Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Tổng mức lưu lượng khí thải phát sinh của dự án là 37.211 m<sup>3</sup>/giờ, dự án không thuộc doanh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (không thuộc quy định tại số thứ tự 9 cột 6 Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). Vì vậy, dự án không thuộc trường hợp phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục và định kỳ.

### **6.2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác theo đề xuất của chủ dự án**

#### **a. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp:**

- Vị trí giám sát:
  - + Bụi phát sinh từ khâu nhập nguyên liệu, sàn tách tạp chất - KT<sub>1</sub>.
  - + Bụi, khí thải và nhiệt dư từ công đoạn sấy lúa - KT<sub>2</sub>.
  - + Bụi phát sinh từ dây chuyền lau bóng và xay xát (tại nhà máy 1) - KT<sub>3</sub>.
  - + Bụi phát sinh từ dây chuyền xay xát (tại nhà máy 2) – KT<sub>4</sub>.
- Tần suất giám sát: 01 năm/lần;
- Thông số giám sát:
  - + Tại các vị trí giám sát KT<sub>1</sub>, KT<sub>3</sub>, KT<sub>4</sub>: bụi tổng.
  - + Tại vị trí KT<sub>2</sub>: lưu lượng, bụi tổng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> (tính theo NO<sub>2</sub>);
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số K<sub>p</sub>=1,0, K<sub>v</sub>=1,0.



**b. Quan trắc tiếng ồn, độ rung và môi trường không khí xung quanh:**

- Tần suất giám sát: 01 năm/lần;
- Vị trí giám sát: khu vực cửa ra vào dự án.
- Thông số giám sát: tiếng ồn, độ rung, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.
- Quy chuẩn so sánh:
  - + QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Khu vực so sánh: khu vực thông thường.
  - + QCVN 27:2010/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung; Đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ. Khu vực so sánh: khu vực thông thường.
  - + QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

**c. Quan trắc CTRSH, CTCNTT và CTNH:**

- Theo dõi về thành phần, khối lượng phát sinh của CTRSH, CTCNTT và CTNH tại các khu vực chứa của từng loại;
- Tổng hợp kết quả và báo cáo quan trắc môi trường định kỳ 01 năm/lần.

**6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm**

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm được chủ dự án trích từ kinh phí hoạt động của dự án. Dự toán chi phí cho hoạt động này ước tính khoảng 30.000.000 đồng.



## **CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN**

Doanh nghiệp tư nhân Vạn Lợi cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của các số liệu, thông tin trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án;
- Cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường như đã nêu trong báo cáo này đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường;
- Cam kết chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan;
- Cam kết khi xảy ra sự cố môi trường, phải dừng các hoạt động, khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có);
- Cam kết chuyển đổi phần đất có mục đích sử dụng chưa phù hợp sang đất có mục đích sử dụng đất phù hợp với loại hình hoạt động của dự án theo đúng quy định. Trường hợp không hoàn thành việc chuyển mục đích sử dụng đất chủ dự án sẽ chấp nhận hình thức rút giấy phép môi trường đã cấp và các hình thức xử lý vi phạm khác;
- Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường theo đúng quy định trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra mà xác định nguyên nhân là do quá trình hoạt động của dự án;
- Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam, Quy chuẩn Việt Nam.



**PHỤ LỤC KÈM THEO**

---

**PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN**

**PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

**PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ KÈM THEO**



## **PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN**



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH TRÀ VINH  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**

Mã số doanh nghiệp: 2100180712

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 09 năm 1997

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 09 tháng 09 năm 2011

**1. Tên doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VẠN LỢI

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt: VẠN LỢI

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Ấp Phú Khánh, Xã Song Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0743.897114

Fax:

Email:

Website:

**3. Chủ doanh nghiệp**

Họ và tên: DIỆP HÙNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 1964

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 334427690

Ngày cấp: 03/06/2004

Nơi cấp: CA tỉnh Trà Vinh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Phú Lân, Xã Song Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp Phú Khánh, Xã Song Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

**TRƯỞNG PHÒNG**



*Nguyễn Hoàng Quý*



ỦY BAN NHÂN DÂN

HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Ông DIỆP HÙNG

Sinh năm 1964, Số CMTND 334427690 cấp ngày 03/06/2004 tại CA Trà Vinh  
Địa chỉ thường trú: Phú Lân xã Song Lộc- huyện Châu Thành- tỉnh Trà Vinh

II- Thửa đất được quyền sử dụng

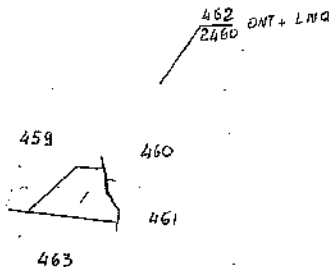
- Thửa đất số: 462 2. Tờ bản đồ số: 3
- Địa chỉ thửa đất: Phú Khánh xã Song Lộc- huyện Châu Thành- tỉnh Trà Vinh
- Diện tích: 2460.0 m<sup>2</sup>  
Bằng chữ: (hai ngàn bốn trăm sáu mươi mét vuông)
- Hình thức sử dụng:
  - + Sử dụng riêng: 2460.0 m<sup>2</sup>
  - + Sử dụng chung: Không m<sup>2</sup>
- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn: 160m<sup>2</sup> - Đất trồng cây lâu năm: 2300m<sup>2</sup>
- Thời hạn sử dụng đất: lâu dài đối với đất ở tại nông thôn:
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

III- Tài sản gắn liền với đất

Không

IV- Ghi chú

Diện tích thửa đất chưa được đo đạc chính xác



Tỷ lệ: 1/5000

Ngày 24 tháng 03 năm 2008  
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

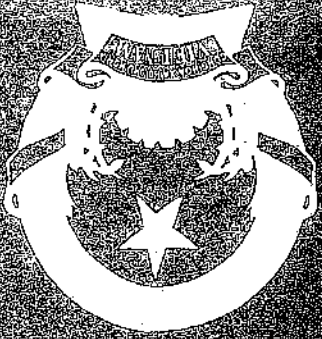
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tiền



# GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT



Ngày, tháng, năm  
 Nơi dùng thay đổi và cơ sở pháp lý  
 Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

--	--	--

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHỮ Ý

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
  2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; đổi lại về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; cho thuê lại; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
  3. Không được tự ý sửa chữa, lấy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể nộp đơn khiếu nại, khiếu nại về chính sách, pháp luật đất đai, có thể khiếu nại tố cáo và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.
- Kèm theo GCN này  
 Cơ quan bổ sung số: 11.11.11



ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Ông: **DIỆP HÙNG**

Sinh năm 1964, Số CMTND 334427690 cấp ngày 03/06/2004 tại CA Trà Vinh  
Địa chỉ thường trú: Phú Lâm xã Song Lộc- huyện Châu Thành- tỉnh Trà Vinh

II- Thửa đất được quyền sử dụng

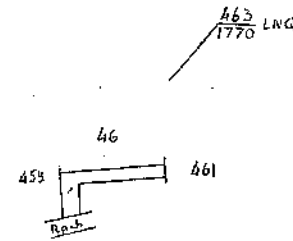
1. Thửa đất số: 463      2. Tờ bản đồ số: 3
3. Địa chỉ thửa đất: Phú Khánh xã Song Lộc- huyện Châu Thành- tỉnh Trà Vinh
4. Diện tích: 1770,0 m<sup>2</sup>
5. Bảng chi: (một ngàn bảy trăm bảy mươi mét vuông)  
Sử dụng riêng: 1770,0 m<sup>2</sup>  
Sử dụng chung: Không m<sup>2</sup>
6. Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm
7. Thời hạn sử dụng đất: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 26/12/2045
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

III- Tài sản gắn liền với đất

Không

IV- Ghi chú

Diện tích thửa đất chưa được đo đạc chính xác



Tỷ lệ: 1/5000

Ngày 24 tháng 03 năm 2008

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tiến







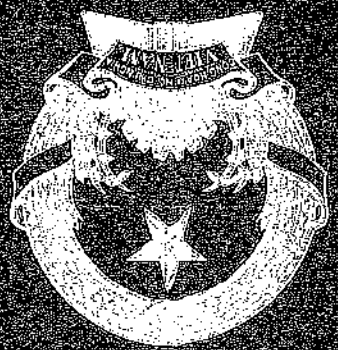








# GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT



NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền	Số và nội dung quyết định	
------------------------------------	---------------------------	--

--	--	--

Người sử dụng đất thay đổi địa chỉ thường trú từ ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thành ấp Phú Tân, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo hồ sơ số 067024/D1.002

--	--	--

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHỮ VÍ

1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 74, 74.75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.

2- Khi có thay đổi về hình thức, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

Kèm theo GCN này  
Số trang bìa sổ số: 44.67.05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN CAM KẾT**

~~(Về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất)~~

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành  
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành

Tôi tên: Diệp Hùng

Sinh năm: 1964

Địa chỉ thường trú: tại ấp Phú Lân, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Tôi hiện là chủ sở hữu thửa đất số 462, 463, 469, 929, tờ bản đồ số 3, tổng diện tích sử dụng đất là 7.410 m<sup>2</sup>. Trong đó, đất nhà máy có diện tích là 930 m<sup>2</sup>, đất ở tại nông thôn có diện tích là 160 m<sup>2</sup> và còn lại 6.320 m<sup>2</sup> là đất trồng cây lâu năm.

Để phục vụ cho Doanh nghiệp Tư nhân Vạn Lợi thực hiện thủ tục môi trường tôi xin cam kết với UBND huyện Châu Thành, Phòng TN&MT huyện Châu Thành sẽ tiến hành thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích 6.320 m<sup>2</sup> trên các thửa đất số 462, 463, 929, tờ bản đồ số 3, phù hợp với loại hình hoạt động nhà máy sấy và xay xát, thời gian thực hiện chuyển đổi đến hết ngày 31/12/2024.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, thời gian đã cam kết nêu trên, nếu có sai trái tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI CAM KẾT



Diệp Hùng



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG THU GOM VÀ BỐC TẢI RÁC**  
**Số: 224/2023/HDTG-HTX**

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ nhu cầu thu gom và bốc tải để đảm bảo vệ sinh môi trường;

Hôm nay, ngày 12... tháng 6... năm 2023..., chúng tôi gồm có:

**BÊN A:** Đoàn Nghiệp Cầu Nhân Vạn Lập.....

- Đại diện Ông/Bà: ĐIỆP Hoàng.....; Chức vụ: Chủ Đoàn Nghiệp.....

- Địa chỉ: Phố Khánh, Xã Song Lộc, A - TM.....

- Điện thoại: 0703.897111.....

- MST: .....

- Email: .....

**BÊN B:** **HTX XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH**

- Đại diện là Bà: Dương Út Hiền; Chức vụ: Phó Giám đốc

- Địa chỉ: 9/91B Phạm Ngũ Lão, Khóm 4, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Điện thoại: 02943 853123

- Tài khoản: 9101110047979, mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Trà Vinh.

- Mã số thuế: 2100570945

- Email: htxxaydungmoitruongtv@gmail.com

Hai bên thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

**Điều I. Nội dung công việc:**

Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom và bốc tải rác thải trong thùng tại khu vực (địa chỉ) bên A.

**Điều II: Trách nhiệm, quyền hạn, quyền lợi của mỗi bên:**

***1. Trách nhiệm bên A:***

- Bên A phải tập kết rác thải sinh hoạt vào thùng chứa rác theo đúng quy định, không đậu xe ngay lối ra vào lúc Bên B vào lấy rác. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B ra vào lấy rác. Rác thải trong sinh hoạt có góc động vật phải cho vào túi nylon cột kín, cho vào thùng rác chung.

- *Tuyệt đối, không đưa chất thải độc hại và rác công nghiệp, vải vụn lẫn vào trong rác sinh hoạt.* Trường hợp nếu ngành chức năng kiểm tra phát hiện

rác trên xe có lẫn chất độc hại và rác công nghiệp, vãi vụn thì bên A sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**2. Trách nhiệm của bên B:**

- Thực hiện thu gom và bốc tải rác thải sinh hoạt theo yêu cầu của bên A tại địa điểm: Đầu cầu đường công nghiệp Di nhân Lạc Lh

- Tần suất thu gom: 2 ngày 1 lần:.....

- Trường hợp xe có sự cố hoặc lý do bất khả kháng bên B phải thông báo cho bên A biết và sẽ tổ chức thu gom bù vào ngày hôm sau.

- Trường hợp phát hiện trong thùng chứa rác sinh hoạt có chất thải nguy hại, rác công nghiệp, vãi vụn thì Bên B sẽ không lấy rác sinh hoạt.

**Điều III: Giá trị hợp đồng, phương thức thanh toán và thời gian thực hiện:**

- Giá trị hợp đồng: 300.000..... đồng/tháng.

- Bằng chữ: ba trăm nghìn đồng.....

- Phương thức thanh toán:

Bên A đóng phí vệ sinh cho bên B đầu tháng bằng tiền mặt.

- Thời gian thực hiện: 01/01/2023..... đến 30/12/2023.....

**Điều IV: Điều khoản bổ sung:**

- Đơn giá trên sẽ thay đổi tùy theo số lượng công nhân của bên A.

- Nếu lượng rác vượt quá số lượng mà 02 bên đã ký hợp đồng, thì bên A phải thỏa thuận điều chỉnh giá thu gom rác cho phù hợp. Nếu không bên B sẽ không bốc tải số rác vượt quá số lượng mà 02 bên ghi trong hợp đồng.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu có trở ngại, vướng mắc, thì 02 bên phải thông báo cho nhau biết trước ít nhất 10 ngày bằng văn bản, để cùng nhau thỏa thuận giải quyết.

**Điều V: Điều khoản chung:**

- Cùng nhau đồng trách nhiệm trong việc xây dựng môi trường sạch - đẹp - văn minh.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều, khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu bên nào vi phạm sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Hết hạn hợp đồng, nếu hai bên không tiếp tục gia hạn thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý vào ngày 30/12/2023..

Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A

*Nguyễn Hưng*



ĐẠI DIỆN BÊN B

Dương Út Hiền



CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG XANH VN  
Đường số 8 - KCN Trảng Bàng - An Tịnh -  
Trảng Bàng - Tỉnh Tây Ninh - Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: VP174/23/HĐXLHCM-VL

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2023

## HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

(V/v: Thu gom, vận chuyển & xử lý chất thải nguy hại và rác công nghiệp)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường có hiệu lực ngày 10/01/2022.
- Căn cứ chức năng, lĩnh vực hoạt động và khả năng của Công Ty CP Môi Trường Xanh VN;
- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên.

Tại địa điểm: VPĐD Công Ty Cổ Phần Môi Trường Xanh VN.

Chúng tôi gồm:

**BÊN A** : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN

Địa chỉ trụ sở chính : Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Số điện thoại : 02763 898322

Fax: 02763 898 321

Mã số thuế : 3900357907

Số tài khoản : 5704 201 000 192 Mở tại ngân hàng Agribank, chi nhánh Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

Đại diện : Ông LÊ THIÊN PHƯƠNG

Chức vụ: Phó Giám Đốc



BÊN B : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VẠN LỢI  
Địa chỉ : Ấp Phú Khánh, Xã Song Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh.  
Điện thoại : 0743.897114  
Mã số thuế : 2100180712

Đại diện : ông **DIỆP HÙNG** Chức vụ: Chủ Doanh Nghiệp

Hai bên thỏa thuận thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

**Điều 1. Nội dung công việc.**

- Bên B đồng ý giao cho Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là CTNH) & rác công nghiệp phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Bên B với chủng loại theo danh mục sau:

❖ **Danh mục chất thải :**

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải bỏ	Rắn	16 01 06
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01
3	Bao bì mềm thải (bao ni lông dính thành phần nguy hại)	Rắn	18 01 01
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03
5	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	08 01 01
6	Mực in	Rắn	08 02 01
7	Hộp mực in	Rắn	08 02 04
8	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12
9	Than hoạt tính	Rắn	12 01 04
10	Rác công nghiệp	Rắn	-----



## Điều 2. Phương thức và địa điểm giao nhận.

- Bên B giao chất thải cho Bên A tại kho của Bên B theo địa chỉ: Ấp Phú Khánh, Xã Song Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh.

- Sau khi giao nhận hai Bên phải đối chiếu số lượng chất thải xử lý và ký xác nhận vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho) và chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường do Bên B cung cấp.

- Bên A sẽ thu gom và xử lý chất thải cho Bên B 01 (một) lần/Năm. Bên B báo trước cho Bên A 04 ngày bằng fax hoặc điện thoại để Bên A sắp xếp công việc.

- Khi Bên A và Bên B giao nhận chất thải nguy hại & rác công nghiệp, Bên A chỉ nhận đúng chủng loại chất thải có trong danh mục tại Điều 1.

- Đối với các loại chất thải nguy hại & rác công nghiệp phát sinh ngoài danh mục trên thì hai bên sẽ thương lượng mức giá và ký phụ lục hợp đồng bổ sung.

## Điều 3. Giá cả và Phương thức thanh toán.

### 1. Giá cả thanh toán

- Đơn giá xử lý: 10.000VND/Kg.

- Chi phí duy trì dịch vụ xử lý chất thải: 5.000.000VND/Năm.

- Chi phí vận chuyển: 8.000.000VND/Chuyến.

*Tổng chi phí xử lý = Chi phí duy trì dịch vụ xử lý chất thải + chi phí vận chuyển + (đơn giá xử lý \* số lượng chất thải phát sinh)*

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT theo qui định hiện hành.

- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển chất thải.

### 2. Phương thức thanh toán.

- Bên A căn cứ vào hợp đồng phát hành hóa đơn thu tiền Chi phí duy trì dịch vụ xử lý chất thải sau khi hợp đồng có hiệu lực.

- Sau khi hoàn tất mỗi đợt thu gom xử lý, Bên A sẽ căn cứ theo biên bản giao nhận chất thải thực tế xuất hành hóa đơn thu tiền chi phí xử lý và chi phí vận chuyển cho Bên B.

- Thời hạn thanh toán không quá 10 ngày kể từ ngày Bên B nhận được hóa đơn tài chính do Bên A phát hành. Trường hợp quá thời hạn nêu trên nếu Bên B vẫn chưa thanh toán cho Bên A thì Bên B phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất tiết kiệm hiện tại của ngân hàng Agribank chi nhánh Tràng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản vào số tài khoản: Công Ty Cổ Phần Môi Trường Xanh VN- 5704 201 000 192 Mở tại ngân hàng Agribank, chi nhánh Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh. Ngoài hình thức thanh toán bằng chuyển khoản vào số tài khoản trên, Bên A không chấp nhận hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc bất cứ hình thức thanh toán nào khác. Nếu

v phạm điều này, Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về chi phí chưa được chuyển khoản vào số tài khoản của Bên A.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của hai bên.**

##### **4.1. Trách nhiệm Bên A**

- Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH& rác công nghiệp của Bên B theo đúng pháp luật hiện hành, khi Bên A vận chuyển CTNH& rác công nghiệp ra khỏi kho của Bên B thì mọi vấn đề về môi trường sẽ thuộc trách nhiệm của Bên A.

- Khi thu gom vận chuyển CTNH, Bên A chỉ sử dụng các xe vận chuyển nằm trong danh mục giấy phép hành nghề quản lý CTNH của Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường cấp (Mã QLCTNH: 3-4-5-6.005.VX).

- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày giao nhận CTNH, Bên A chịu trách nhiệm hoàn tất toàn bộ chứng từ CTNH mà Bên B đã chuyển giao cho Bên A.

##### **4.2. Trách nhiệm Bên B**

- Bên B chịu trách nhiệm phân loại và quản lý CTNH & rác công nghiệp tại kho của Bên B theo đúng quy định pháp luật.

- Bên B có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình giao nhận CTNH& rác công nghiệp tại kho Bên B.

- Bên B có trách nhiệm giao chất thải cho phương tiện vận chuyển nằm trong giấy phép hành nghề quản lý CTNH của Bên A do Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường cấp. Nếu Bên B tự ý giao CTNH cho xe vận chuyển khác không nằm trong giấy phép của Bên A thì khi có sự cố xảy ra Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Theo qui định về trách nhiệm của chủ nguồn thải tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu của Bên B (chứng từ CTNH gồm 04 liên), Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của Bên A; Nếu chủ nguồn thải không kê khai chứng từ CTNH ngay thời điểm chuyển giao chất thải (trừ trường hợp bất khả kháng có thông báo gửi cho Bên A ) thì trong vòng 06 tháng phải bổ sung chứng từ cho Bên A. Sau 06 tháng Bên A sẽ không nhận



chứng từ CTNH vì quá hạn xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và chứng từ đó sẽ bị hủy. Trong trường hợp này, Bên A sẽ căn cứ theo hợp đồng và biên bản giao nhận để xuất hóa đơn. Bên B vẫn phải thanh toán đầy đủ chi phí cho Bên A sau khi nhận được hóa đơn tài chính từ Bên A.

- Trong thời hạn hợp đồng Bên B không được giao CTNH & rác công nghiệp cho đơn vị khác xử lý hoặc tự ý xử lý. Nếu Bên B vi phạm hợp đồng thì Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A theo đúng thỏa thuận của hợp đồng.

#### **Điều 5. Điều khoản bất khả kháng.**

- Trong trường hợp xảy ra các sự kiện như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, cấm vận, bao vây hoặc các hạn chế khác của chính phủ về xuất khẩu hay nhập khẩu và các sự kiện bất khả kháng khác, là những sự kiện xảy ra sau thời điểm ký kết hợp đồng này, mà các bên không có khả năng dự đoán, kiểm soát và ngăn chặn, làm cho Bên A không thể bốc xếp toàn bộ hoặc một phần hoặc trì hoãn việc bốc xếp hàng thì Bên A sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc này.

#### **Điều 6. Điều khoản chung.**

- Trong trường hợp 02 Bên thay đổi thông tin về chủ nguồn thải hoặc giấy phép kinh doanh thì một trong hai (02) Bên phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại biết. Nếu 02 (hai) Bên không thực hiện đúng theo điều khoản thì Bên vi phạm sẽ chịu mọi trách nhiệm.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên B không giao chất thải cho Bên A và thanh toán dựa theo Điều 2 và Điều 3 của hợp đồng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và có văn bản gửi cho Bên B trước 15 ngày. Bên B vẫn phải thanh toán tiền xử lý chất thải cho Bên A dựa trên Điều 3.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng, nếu có vấn đề gì thay đổi hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải được lập thành văn bản có ký kết của hai bên.

- Trường hợp hai bên không thống nhất được với nhau sau khi đã có thảo luận thì mọi khiếu nại sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền. Quyết định của tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.

- Các bản phụ lục hợp đồng (nếu có) ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng.

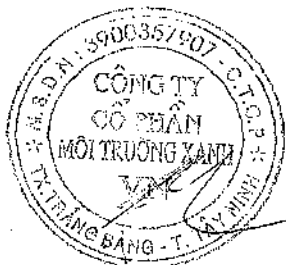
#### **Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng.**

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 15/05/2023 đến ngày 15/05/2024.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC



LÊ THIỆN PHƯƠNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỦ DOANH NGHIỆP



DIỆP HÙNG





Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2021

**GIẤY PHÉP XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005.VX

(Cấp lần 2)

**I. Thông tin chung về chủ xử lý chất thải nguy hại (CTNH):**

Tên: Công ty Cổ phần Môi trường Xanh VN.

Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, Khu công nghiệp Tráng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Tráng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0276.3898322 Fax: 0276.3898321 E-mail: info@moitruongxanhvn.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3900357907, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 09/03/2020.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh.

**II. Nội dung cấp phép:**

1. Được phép thực hiện dịch vụ vận chuyển và xử lý CTNH cho các chủ nguồn thải trên địa bàn hoạt động theo Mục 1 của Phụ lục I kèm theo.
2. Được phép sử dụng, vận hành các phương tiện, thiết bị chuyên dụng theo Mục 2 của Phụ lục I kèm theo.
3. Được phép vận chuyển và xử lý các loại CTNH theo Mục 3 của Phụ lục I kèm theo.
4. Được phép thực hiện những điều chỉnh theo quy định tại các Phụ lục khác kèm theo (nếu có)

**III. Điều khoản thi hành:**

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày: 27 / 9 /2026 và thay thế Giấy phép xử lý CTNH mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần đầu) ngày 25 tháng 9 năm 2018.

**Nơi nhận:**

- Như phần I;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Tây Ninh;
- Sở TN&MT tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: VT, TCMT, VPTN&TKQ, QLCT.

**KT. BỘ TRƯỞNG**



**Võ Tuấn Nhân**

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố hoạt động bến thủy nội địa**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH TRÀ VINH**

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Trà Vinh;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa của Doanh nghiệp tư nhân Vạn Lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Đoàn quản lý giao thông thủy bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Công bố hoạt động Bến thủy nội địa Doanh nghiệp tư nhân Vạn Lợi;

Tại vị trí có tọa độ: Phạm vi vùng nước giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Vị trí 1:

Điểm	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}30'$ , múi chiếu $3^{\circ}$	
	X(m)	Y(m)
A	1094594.045	583940.604
B	1094594.953	583950.582
C	1094718.120	583977.936
D	1094717.239	583979.364

Vị trí 2:

Điểm	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}30'$ , múi chiếu $3^{\circ}$	
	X(m)	Y(m)
E	1094726.547	583986.691
F	1094725.129	583995.577
G	1094812.203	584007.112
H	1094809.901	584016.220



Vị trí 3:

Điểm	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°30', múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
	X(m)	Y(m)
I	1094928.545	584000.373
J	1094929.784	584010.131
K	1094929.173	584011.231
L	1094926.777	584001.254

Từ km 01+870 đến km 02+216;

Trên bờ trái sông Ô Chát;

Thuộc địa phận: ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành;

Tỉnh Trà Vinh.

Của: *Doanh nghiệp tư nhân Vạn Lợi* (Người đại diện theo pháp luật: Ông Diệp Hùng, Mã số doanh nghiệp: 2100180712 ngày 9/9/2021, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp).

Địa điểm kinh doanh: Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Số điện thoại: 0918.265577.

Loại bến: Bến thủy nội địa chuyên dùng (VLXD và lúa gạo).

Vùng đất của bến: 6.887 m<sup>2</sup>.

Kết cấu công trình bến: Bờ kè gia cố bê tông cốt thép kết hợp cừ dứa dọc theo bờ.

Được phép tiếp nhận phương tiện thủy: Có mớn nước đáy tải không quá 1,5 mét ứng với mực nước từ 2,5 mét trở lên.

Vùng nước của bến:

Chiều dài: 270 mét, kể từ chân cột báo hiệu dọc theo bờ về phía thượng lưu;

Chiều rộng: 10 mét, kể từ mép bờ tự nhiên trở ra phía luồng.

Thiết bị xếp, dỡ: Xếp dỡ hàng hóa bằng xe đào gào nghịch, băng chuyền, máy hút và kết hợp thủ công.

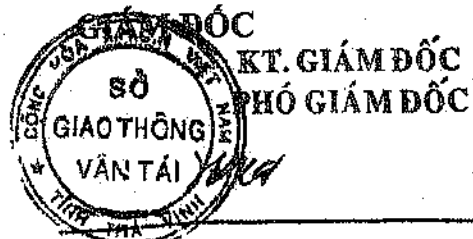
Điều 2. Trong thời gian hoạt động chủ bến có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 06/6/2022 đến ngày 30/5/2027.

Điều 4. Giám đốc Đoàn Quản lý giao thông thủy bộ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Doanh nghiệp tư nhân Vạn Lợi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- Như Điều 4;
- UBND xã Song Lộc;
- Lưu: VT, ĐQL.



Nhan Văn Giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN  
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM  
CERTIFICATE  
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

\*\*\*

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG  
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN TỈNH TRÀ VINH

CHỨNG NHẬN

Cơ sở/ Establishment: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VẠN LỢI

Mã số/ Approval number: CL.TV-237

Địa chỉ/ Address: Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, Trà Vinh.

Điện thoại/ Tel: 02943 897 777

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

*Has been found to be in compliance with food safety regulations  
for following products:*

XAY XÁT LÚA GẠO

Số cấp/ Number: 43/2021/NNPINT-TV

Có hiệu lực đến/ Valid until: 29/10/2024

và thay thế Giấy chứng nhận số/ and replaces the Certificate No: 87/2018/NNPINT-TV

Cấp ngày/ issued on: 15/11/2018

Trà Vinh, ngày 29 tháng 10 năm 2021

CHI CỤC TRƯỞNG



Lê Tân Thời



Số: 115/QĐ-CCQLCL

Trà Vinh, ngày 29 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh  
đủ điều kiện an toàn thực phẩm

**CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG  
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN TRÀ VINH**

Căn cứ Quyết định số 969/QĐ-SNN ngày 23/9/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo kết quả thẩm định tại Biên bản số 109/BB-CCQLCL-QLCL ngày 29/10/2021 và đề nghị của ông Trưởng Đoàn thẩm định.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận cơ sở: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VẠN LỢI

Chủ cơ sở: Diệp Hùng

Địa chỉ: Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Loại hình sản xuất, kinh doanh: Xay sát lúa gạo.

Cơ sở xếp loại: B Mã số: CL.TV-237 Hình thức công nhận: Cấp lại

**Điều 2.** Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở

- Cơ sở được phép xay sát lúa gạo theo danh mục đăng ký. Duy trì đúng các quy định về điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở và chấp hành việc thẩm định đánh giá định kỳ theo quy định.

- Giấy chứng nhận có hiệu lực đến hết ngày 29/10/2024. Trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hiệu lực, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm trong trường hợp tiếp tục sản xuất, kinh doanh.

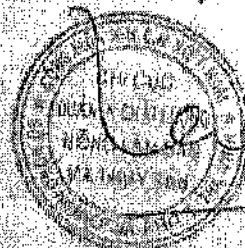
**Điều 3.** Ông Trưởng phòng Hành chính-Tổng hợp, các Phòng trực thuộc, Trưởng Đoàn thẩm định và ông, bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở NN & PTNT (b/c);
- Phòng NN & PTNT huyện Châu Thành;
- UBND xã Song Lộc;
- Lưu VT P.QLCL.

**CHI CỤC TRƯỞNG**



Lê Tân Thời

## PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM





## BIÊN BẢN THU NHẬN MẪU

Hôm nay, vào lúc..... ngày 23/ 02/ 2023, tại Đi. cũ.....

Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng tiến hành lấy mẫu để kiểm tra đánh giá.

Đơn vị giám sát:

Đơn vị yêu cầu: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VẠN LỢI

Tên dự án: NHÀ MÁY SẤY - XAY XÁT LƯƠNG THỰC ÚT NGAO

Địa chỉ lấy mẫu: Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Mã số thuế: .....ĐT.....Ngành nghề: .....

I. Đại diện đơn vị lấy mẫu:

Ông (Bà) Trần Thanh Tân

Chức vụ: Nhân viên quan trắc

Ông (Bà) Võ Khâm Lợi

Chức vụ: Nhân viên quan trắc

II. Đại diện đơn vị yêu cầu:

Ông (Bà) Nguyễn Thanh Bình

Chức vụ: .....

III. Đại diện đơn vị giám sát:

Ông (Bà) Nguyễn Hữu Phước

Chức vụ: .....

Ông (Bà) .....

Chức vụ: .....

IV. Số biên bản thành lập: ..... bản có chữ ký xác nhận của các bên tham gia.

V. Điều kiện lấy mẫu: .....

❖ Kết quả lấy mẫu:

TT	Loại mẫu	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Thời gian	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ
01	Chất lượng không khí	KK1	Khu vực sấy		Tiếng ồn, Bụi toàn phần, SO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> , CO	
02	Chất lượng không khí	KK2	Khu vực xay xát			
03	Chất lượng không khí	KK3	Quốc lộ 60 (Phía trước chợ Song Lộc)		Tiếng ồn, TSP, SO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> , CO, Tốc độ gió, hướng gió	
04	Chất lượng nước mặt	NM	Rạch xẻo cụt		pH, TSS, COD, BOD <sub>5</sub> , NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , Coliform	
04	Chất lượng khí thải	KT	Khí thải lò sấy lúa		Lưu lượng, Bụi tổng, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> , CO	

Đại diện đơn vị yêu cầu

Đại diện đơn vị giám sát

Đại diện đơn vị lấy mẫu

Nguyễn Thanh Bình  
Nguyễn Thanh Bình

Nguyễn Hữu Phước  
Nguyễn Hữu Phước

Võ Khâm Lợi  
Võ Khâm Lợi

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 283/02-23

Mã mẫu: 2302NM292 (048/02-23) Trang: 1/1

**Đơn vị yêu cầu** : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VẠN LỢI  
**Tên dự án** : NHÀ MÁY SẤY - XAY XÁT LƯƠNG THỰC VẠN LỢI  
**Địa chỉ lấy mẫu** : Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
**Ngày lấy (nhận) mẫu** : 23/02/2023 **Ngày trả kết quả**: 02/03/2023  
**Thời gian lưu mẫu** : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả  
**Loại mẫu** : Nước mặt  
**Mô tả mẫu** : Nước hơi đục  
**Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, các hoạt động diễn ra bình thường  
**Ký hiệu / vị trí lấy mẫu** : lấy tại rạch Xéo Cụt

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH <sup>(a)</sup>	-	SMEWW 2550.B:2017	6,50
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(a)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	28
3	Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(a)</sup>	mgO <sub>2</sub> /L	TCVN 6001-1:2008	13
4	Nhu cầu Oxy hoá học (COD) <sup>(a)</sup>	mgO <sub>2</sub> /L	SMEWW 5220C:2017	24
5	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(a)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,02
6	Nitrate (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(a)</sup>	mg/L	TCVN 6180:1996	0,095
7	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P) <sup>(a)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,06
8	Tổng Coliform <sup>(a)</sup>	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	1100

**Ghi Chú:**

KPH: Không phát hiện (<MDL)  
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận  
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận  
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC  
Phó Giám Đốc



PHẠM THANH TOÀN

HOANG VAN TIN



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 284/02-23

Mã mẫu: 2302KK293-2302KK295 (048/02-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VẠN LỢI  
Tên dự án : NHÀ MÁY SẤY - XAY XÁT LƯƠNG THỰC VẠN LỢI  
Địa chỉ lấy mẫu : Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
Ngày lấy (nhận) mẫu : 23/02/2023 Ngày trả kết quả: 02/03/2023  
Thời gian lưu mẫu : Không lưu  
Loại mẫu : Chất lượng không khí và tiếng ồn  
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động diễn ra bình thường  
: KK1 khu vực sấy  
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KK2 khu vực xay xát  
: KK3 khu vực Quốc lộ 60 (Phía trước chợ Song Lộc)

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		
				KK1	KK2	KK3
1	Tốc độ gió <sup>(a)</sup>	m/s	SOP-HD P50	-	-	0,3-0,8
2	Hướng gió <sup>(a)</sup>	-	QCVN 46:2012/BTNMT	-	-	Đông Nam
3	Tiếng ồn <sup>(a)</sup>	dBA	TCVN 7878-2:2010	76,2	75,5	64,7
4	Bụi TSP <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	-	-	0,195
5	Bụi toàn phần	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	1,56	1,14	-
6	SO <sub>2</sub> <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	0,087	0,082	0,061
7	NO <sub>2</sub> <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	0,071	0,074	0,054
8	CO <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	HD-TMBQK 01	<10	<10	<10

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số giới nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC  
Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN



HOÀNG VĂN TÍN

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số: 285/02-23

Mã mẫu: 2302KT296 (048/02-23) Trang: 1/1

**Đơn vị yêu cầu** : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VẠN LỢI  
**Tên dự án** : NHÀ MÁY SẤY - XAY XÁT LƯƠNG THỰC VẠN LỢI  
**Địa chỉ lấy mẫu** : Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
**Ngày lấy (nhận) mẫu** : 23/02/2023 **Ngày trả kết quả**: 02/03/2023  
**Thời gian lưu mẫu** : Không lưu  
**Loại mẫu** : Khí thải công nghiệp  
**Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, các hoạt động diễn ra bình thường  
**Ký hiệu / vị trí lấy mẫu** : ống khói lò sấy lúa

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	Lưu lượng <sup>(a)</sup>	Nm <sup>3</sup> /h	US EPA Method 02	5.130
2	Bụi <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 05	62,8
3	SO <sub>2</sub> <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP - HTK 02	35
4	NO <sub>x</sub> <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP - HTK 02	79
5	CO <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP - HTK 02	204

**Ghi Chú:**

**KPH:** Không phát hiện (<MDL)  
**MDL:** Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận  
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận  
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

**PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
Trưởng phòng**PHẠM THANH TOÀN****KT.GIÁM ĐỐC**  
Phó Giám Đốc**HOÀNG VĂN TÍN**





**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CHỨNG NHẬN**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG  
DỊCH VỤ QUAN TRÁC MÔI TRƯỜNG**

Số hiệu: **VIMCERTS 064**

(Cấp lần 4)

Tên tổ chức:

Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng

Trụ sở chính: Số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ phòng thi nghiệm: Số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: **1061/QĐ-BTNMT** ngày **28** tháng **5** năm **2021** của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: **Hoàng Văn Tùng**, Chức vụ: **Giám đốc**

Căn cước công dân số: **060073000063**

Nơi cấp: **Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**

Ngày cấp: **15** tháng **5** năm **2017**

Thời hạn của Giấy chứng nhận: **Ba (03) năm**

Kết từ ngày ký đến hết ngày **27** tháng **5** năm **2024**

**LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

**I. QUAN TRÁC HIỆN TRƯỜNG**

- 1. Nước:
  - Nước mặt và lục địa: Lấy mẫu: 04 thông số
  - Nước thải: Lấy mẫu: 01 thông số
  - Nước dưới đất: Lấy mẫu: 01 thông số
  - Nước mưa: Lấy mẫu: 01 thông số
  - Nước biển: Lấy mẫu: 01 thông số
- 2. Khí:
  - Không khí xung quanh: Lấy mẫu: 26 thông số
  - Khí thải: Lấy mẫu: 01 thông số
- 3. Đất:
  - Nước mặt và lục địa: Lấy mẫu: 01 thông số
- 4. Trầm tích:
  - Nước mặt: Lấy mẫu: 01 thông số
- 5. Bùn:
  - Nước mặt: Lấy mẫu: 01 thông số
- 6. Chất thải rắn:
  - Nước mặt: Lấy mẫu: 01 thông số

**II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

- 1. Nước:
  - Nước mặt và lục địa: 28 thông số
  - Nước thải: 28 thông số
  - Nước dưới đất: 26 thông số
  - Nước mưa: 09 thông số
  - Nước biển: 04 thông số
- 2. Khí:
  - Không khí xung quanh: 07 thông số
- 3. Đất:
  - Nước mặt và lục địa: 09 thông số
- 4. Trầm tích:
  - Nước mặt: 05 thông số
- 5. Bùn:
  - Nước mặt: 05 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phải liệt kê các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: **1061/QĐ-BTNMT** ngày **28** tháng **5** năm **2021** của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.)

Hà Nội, ngày **28** tháng **5** năm **2021**.

**KIỂM TRA TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



**Vũ Tuấn Nhân**



*Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;*

*Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chứng nhận “Trung Tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng”, địa chỉ tại số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký 064/TN-QTMT) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 064) theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực ba năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLQL(12).

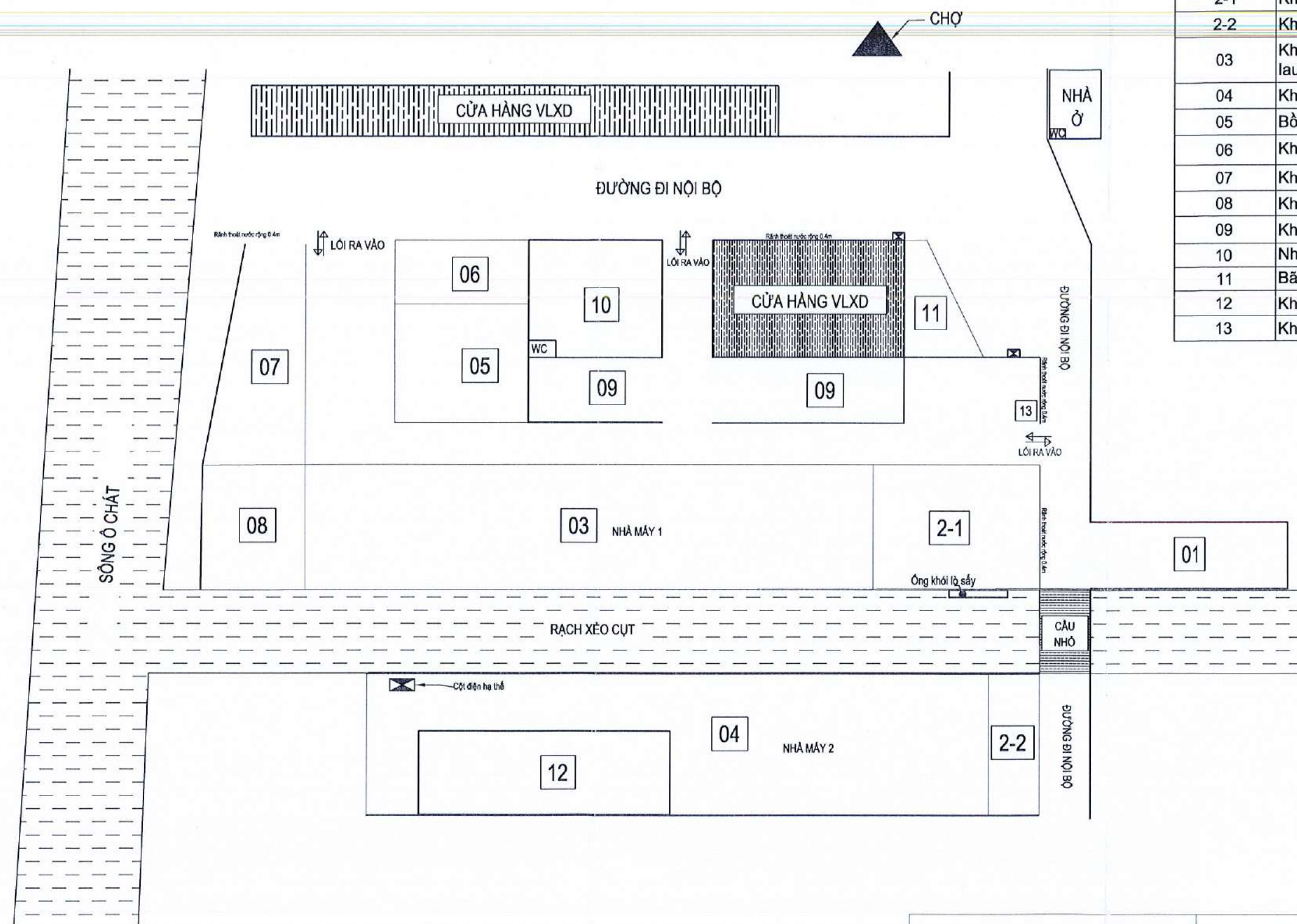


### **PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ KÈM THEO**



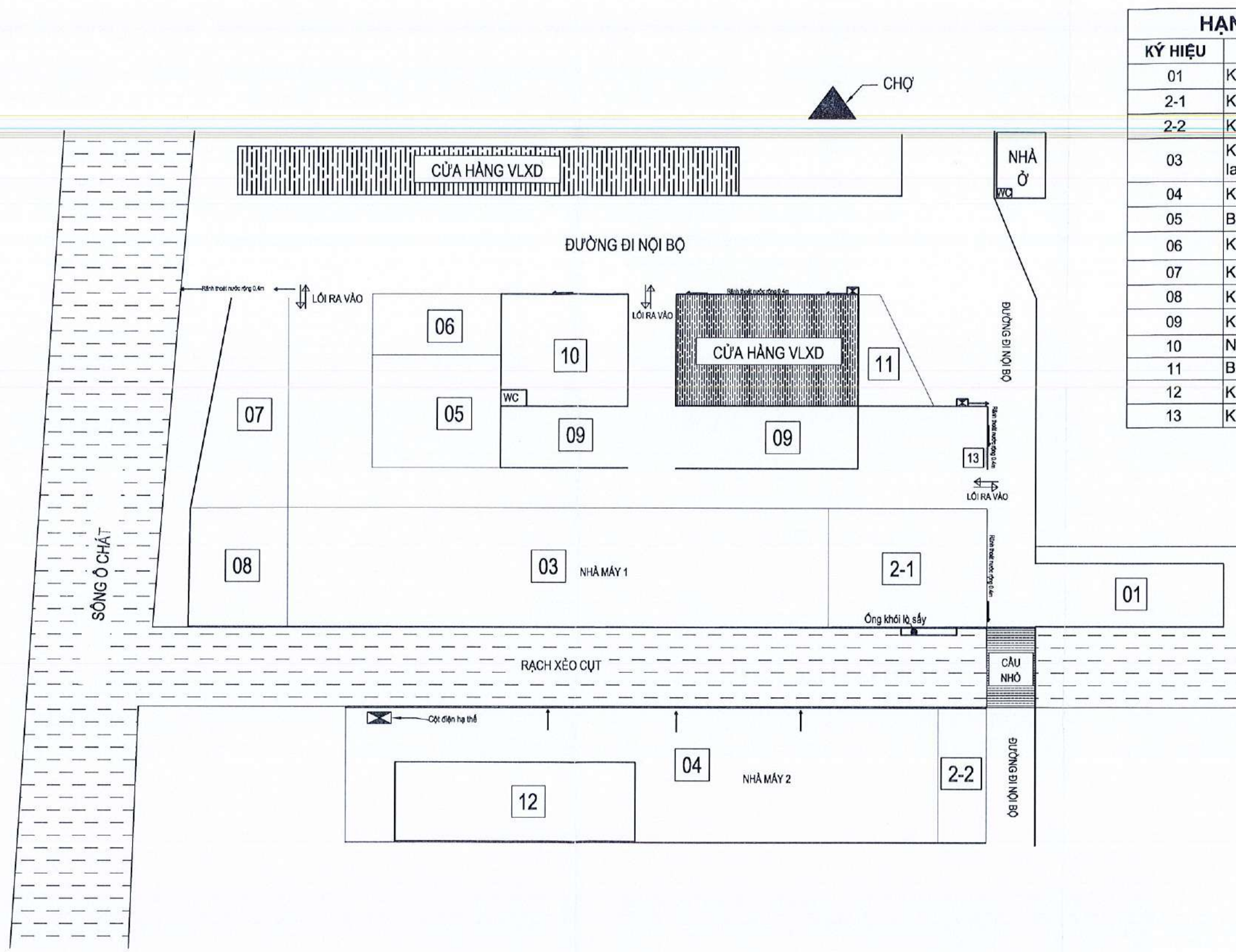
**HẠNG MỤC BỐ TRÍ**

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	Khu vực chứa lúa tươi
2-1	Khu vực lò sấy 1
2-2	Khu vực lò sấy 2
03	Khu vực dây chuyền xay xát và lau bóng
04	Khu vực dây chuyền xay xát
05	Bồn chứa gạo thành phẩm
06	Khu vực cân gạo, đóng bao
07	Khu chứa gạo thành phẩm
08	Khu vực bồn chứa tấm, cám
09	Khu chứa lúa khô
10	Nhà ở công nhân
11	Bãi đậu xe
12	Khu vực chứa trấu
13	Khu chứa CTNH



<p><b>DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VẠN LỢI</b></p> <p>GIÁM ĐỐC</p>		<p><b>DỰ ÁN</b> NHÀ MÁY SẤY VÀ XAY XÁT LƯƠNG THỰC VẠN LỢI</p>		
		<p><b>SƠ ĐỒ MẶT BẰNG TỔNG THỂ</b></p>		
THIẾT KẾ	THỂ HIỆN	KÝ HIỆU		



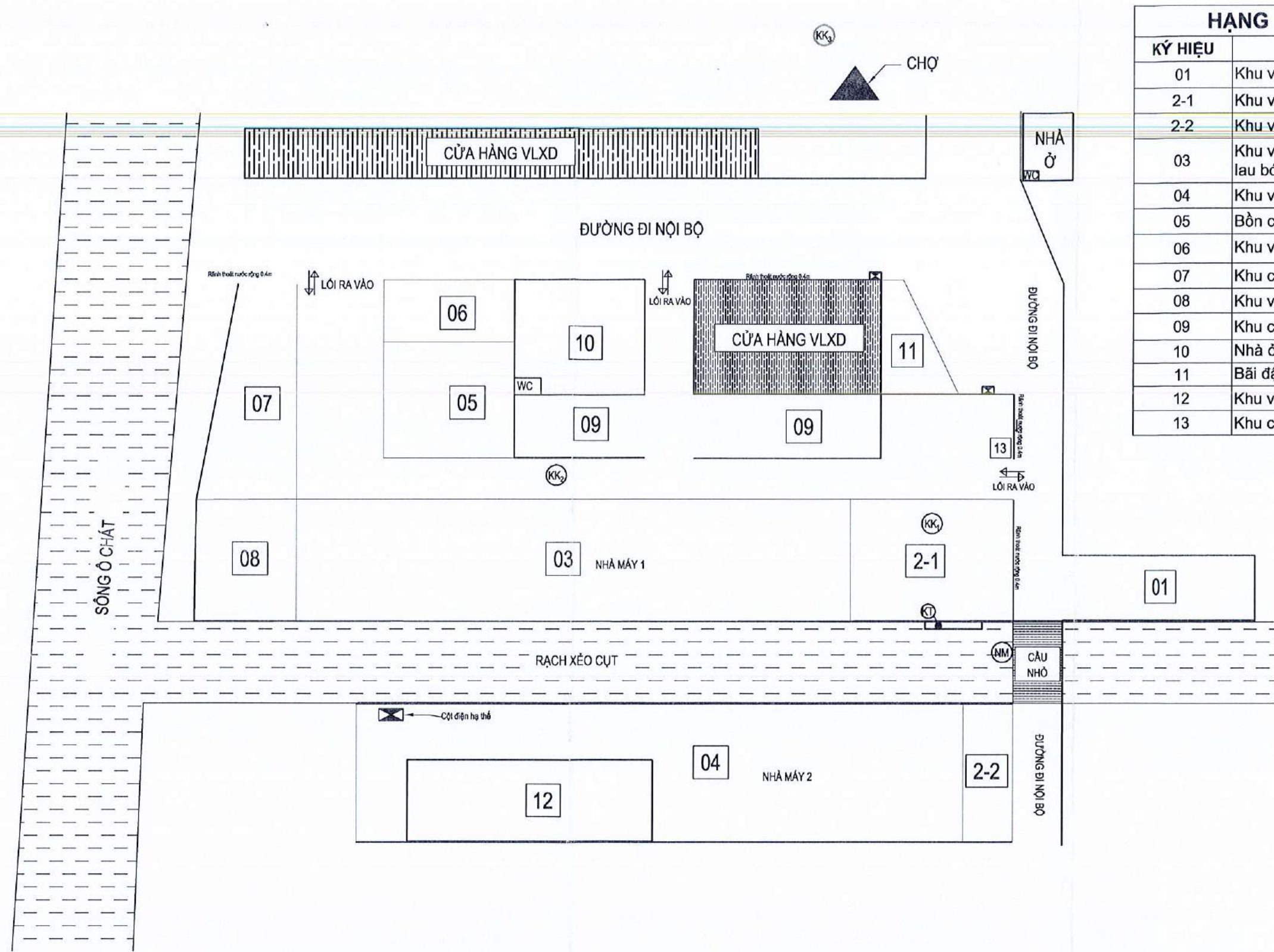


HẠNG MỤC BỐ TRÍ	
KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	Khu vực chứa lúa tươi
2-1	Khu vực lò sấy 1
2-2	Khu vực lò sấy 2
03	Khu vực dây chuyền xay xát và lau bóng
04	Khu vực dây chuyền xay xát
05	Bồn chứa gạo thành phẩm
06	Khu vực cân gạo, đóng bao
07	Khu chứa gạo thành phẩm
08	Khu vực bồn chứa tấm, cám
09	Khu chứa lúa khô
10	Nhà ở công nhân
11	Bãi đậu xe
12	Khu vực chứa trấu
13	Khu chứa CTNH

Ghi chú:  
 → Hướng thoát nước mưa

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VẠN LỢI M.S.D.N. 2100180712 Đ. AN H. CHÂU THÀNH, TỈNH NH GIÁM ĐỐC 	DỰ ÁN NHÀ MÁY SÁY VÀ XAY XÁT LƯƠNG THỰC VẠN LỢI <b>SƠ ĐỒ THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC MƯA</b>		
	THIẾT KẾ	THỂ HIỆN	KÝ HIỆU





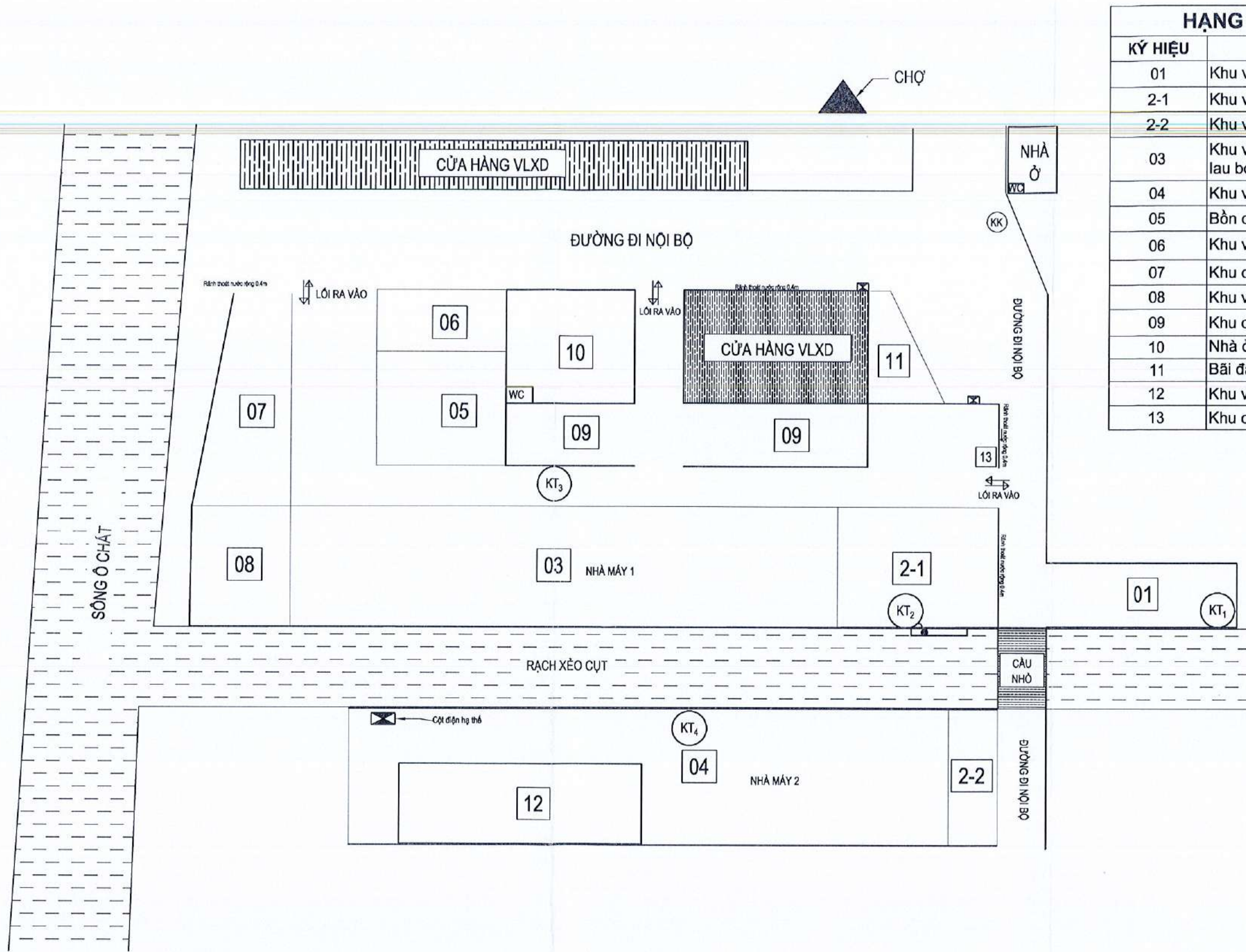
HẠNG MỤC BỐ TRÍ	
KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	Khu vực chứa lúa tươi
2-1	Khu vực lò sấy 1
2-2	Khu vực lò sấy 2
03	Khu vực dây chuyền xay xát và lau bóng
04	Khu vực dây chuyền xay xát
05	Bồn chứa gạo thành phẩm
06	Khu vực cân gạo, đóng bao
07	Khu chứa gạo thành phẩm
08	Khu vực bồn chứa tấm, cám
09	Khu chứa lúa khô
10	Nhà ở công nhân
11	Bãi đậu xe
12	Khu vực chứa trấu
13	Khu chứa CTNH

**Ghi chú:**

- KK<sub>1</sub>: Vị trí thu mẫu không khí và tiếng ồn khu vực sấy lúa;
- KK<sub>2</sub>: Vị trí thu mẫu không khí và tiếng ồn khu vực xay xát;
- KK<sub>3</sub>: Vị trí thu mẫu không khí và tiếng ồn phía trước chợ Song Lộc (giáp QL60);
- NM: Vị trí thu mẫu nước mặt trên rạch Xèo Cụt;
- KT: Vị trí thu mẫu khí thải ống khói lò sấy lúa.

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VẠN LỢI		DỰ ÁN NHÀ MÁY SẤY VÀ XAY XÁT LƯƠNG THỰC VẠN LỢI		
		SƠ ĐỒ VỊ TRÍ THU MẪU MÔI TRƯỜNG NỀN		
		THIẾT KẾ	THỂ HIỆN	KÝ HIỆU





HẠNG MỤC BỐ TRÍ	
KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	Khu vực chứa lúa tươi
2-1	Khu vực lò sấy 1
2-2	Khu vực lò sấy 2
03	Khu vực dây chuyền xay xát và lau bóng
04	Khu vực dây chuyền xay xát
05	Bồn chứa gạo thành phẩm
06	Khu vực cân gạo, đóng bao
07	Khu chứa gạo thành phẩm
08	Khu vực bồn chứa tằm, cám
09	Khu chứa lúa khô
10	Nhà ở công nhân
11	Bãi đậu xe
12	Khu vực chứa trấu
13	Khu chứa CTNH

**Ghi chú:**

- KT<sub>1</sub>: Vị trí thu mẫu khí thải tại khu vực sàng tách tạp chất;
- KT<sub>2</sub>: Vị trí thu mẫu khí thải lò sấy lúa sau xử lý;
- KT<sub>3</sub>: Vị trí thu mẫu khí thải dây chuyền xay xát và lau bóng (tại nhà máy 1);
- KT<sub>4</sub>: Vị trí thu mẫu khí thải dây chuyền xay xát (tại nhà máy 2);
- KK: Vị trí thu mẫu không khí xung quanh, tiếng ồn và độ rung.

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VẠN LỢI	DỰ ÁN NHÀ MÁY SẤY VÀ XAY XÁT LƯƠNG THỰC VẠN LỢI		
	SƠ ĐỒ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ		
GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	THỂ HIỆN	KÝ HIỆU